

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK							0012345678910	0123456789
2	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK							0012345678910	0123456789
3	14118120	Nguyễn Minh Cường	DH14CK							0012345678910	0123456789
4	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK	<i>CBGD</i>		3.3	6.2		7.5	0012345678910	0123456789
5	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK							0012345678910	0123456789
6	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC							0012345678910	0123456789
7	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK	<i>Đông</i>		3.1	3.0		6.1	0012345678910	0123456789
8	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK							0012345678910	0123456789
9	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC	<i>Khang</i>		3.0	6.8		7.8	0012345678910	0123456789
10	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC	<i>Khanh</i>		2.9	6.8		7.7	0012345678910	0123456789
11	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK	<i>Khôi</i>		2.9	6.8		7.7	0012345678910	0123456789
12	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC							0012345678910	0123456789
13	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC							0012345678910	0123456789
14	15118056	Nguyễn Nhật Long	DH15CK	<i>Long</i>		2.8	6.8		7.6	0012345678910	0123456789
15	15118052	Trào An Lộc	DH15CC							0012345678910	0123456789
16	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC							0012345678910	0123456789
17	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK							0012345678910	0123456789
18	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04062

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40%	D2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC							0001234567890	0123456789
20	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC							0001234567890	0123456789
21	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK	Thy		2.6	3.3		5.7	0001234567890	0123456789
22	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC	huy		3.2	5.1		8.3	0001234567890	0123456789
23	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK							0001234567890	0123456789
24	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC	Qui		3.3	5.7		9.0	0001234567890	0123456789
25	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK							0001234567890	0123456789
26	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK							0001234567890	0123456789
27	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC							0001234567890	0123456789
28	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK							0001234567890	0123456789
29	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK	Thien		2.9	3.6		6.5	0001234567890	0123456789
30	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC							0001234567890	0123456789
31	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC							0001234567890	0123456789
32	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC							0001234567890	0123456789
33	15118115	Vô Minh Trí	DH15CK							0001234567890	0123456789
34	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC							0001234567890	0123456789
35	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC							0001234567890	0123456789
36	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC							0001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13118064	Nguyễn Văn Tyl	DH13CK	Tyl		8.8	3.0		5.2	00012345678910	0103456789
38	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK							00012345678910	0123456789
39	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC							00012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 28

Hiện diện: 11

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nắc nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

TS - Vương Khánh Thiên

Chang
Phạm Quang Thắng

Nguyễn Thanh Phú

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - 001_DH16CC_01** Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/01/2018** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **CT101** Giảng viên: **Nguyễn Thị Phương Thảo**

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)** Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			1	1,8	2,9	5,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
2	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK			0,8	1,8	3	5,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
3	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			0,9	1,9	3,6	6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
4	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			0,9	2	4,4	7,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
5	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC			1	1,9	2,8	5,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
6	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT			0,9	1,8	3,9	6,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
7	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			1	1,9	2,5	5,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
8	14118132	Nguyễn Vô Trí	DH14CK			0,9	1,8	2,7	5,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
9	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			0,9	1,8	3,4	6,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
10	14118134	Nguyễn Văn Dại	DH14CK			1	1,9	3,7	6,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
11	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK							○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
12	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			1	1,9	3,6	6,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
13	16118051	Đỗ Đức Hận	DH16CC			0,8	1,8	2,4	5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
14	14118166	Vô Văn Hòa	DH14CK			1	1,9	4,6	7,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●
15	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			1	1,8	1,8	4,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ●



Mã nhận dạng 02627



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - 001_DH16CC_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 15/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: CT101

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp: DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC	<i>Huy</i>		0,9	1,9	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
17	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC	<i>Huu</i>		0,9	1,8	2,2	4,9	0012345678910	0123456789
18	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC	<i>Thay</i>		1	2	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
19	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC	<i>Khanh</i>		0,6	1,8	3,3	5,7	0012345678910	0123456789
20	16118072	Phạm Minh Khoa	DH16CC	<i>Khoa</i>		0,9	1,8	2	4,7	0012345678910	0123456789
21	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC	<i>Khôi</i>		0,8	1,8	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
22	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		1	1,8	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
23	16118080	Bùi Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		0,9	1,8	3,3	6	0012345678910	0123456789
24	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK	<i>Lân</i>		0,7	1,9	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
25	16118086	Nguyễn Đại Lộc	DH16CC	<i>Lô</i>		1	1,8	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
26	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC	<i>Lô</i>		1	1,8	1,8	4,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 25. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán bộ coi thi 2

Le Khoe Qui

Xác nhận của Bộ Môn

Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thị Phương Thảo

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Tường

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Dụng sai và kỹ thuật đo lường (207107) - 002_DH16CC_01 Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD401 Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo
Lớp DH16CC (Cơ khí chế biến hàng quán NSTP) Trung I

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118090	Nguyễn Tấn Lợi	DH16CC	Lai		1	1,6	1	3,6	0012345678910	0123456789
2	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC	Nguyen		1	1,9	4,8	7,7	0012345678910	0123456789
3	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC	nhuan		1	1,7	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
4	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC	phong		1	1,9	1,9	4,8	0012345678910	0123456789
5	16118117	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC	✓						0012345678910	0123456789
6	16118119	Đinh Đình Hoài Phúc	DH16CC	Phuc		1	1,8	1,3	4,1	0012345678910	0123456789
7	16118122	Ngô Văn Nu Phương	DH16CC	Phu		0,9	1,9	3,2	6	0012345678910	0123456789
8	16118128	Lê Đức Quy	DH16CC	Quy		1	1,9	2,7	5,6	0012345678910	0123456789
9	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC	Nguyen		1	1,9	5,5	8,4	0012345678910	0123456789
10	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC	Son		1	1,9	4,2	7,1	0012345678910	0123456789
11	16118134	Nguyễn Duy Sơn	DH16CC	Son		1	1,8	5,2	8	0012345678910	0123456789
12	16118137	Đương Văn Tài	DH16CC	Tai		0,9	1,9	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
13	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC	✓						0012345678910	0123456789
14	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC	Thang		1	1,6	2,1	4,7	0012345678910	0123456789
15	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK	Thien		1	1,9	3,2	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02628



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - 002_DH16CC_01

Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi: 15/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi: RD401

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp: DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16118152	Đặng Thị Hòa	Thuận	DHS		1	1,9	2,8	5,7	0012345678910	0123456789
17	14118072	Nguyễn Gia	Thuật	thuat		1	1,9	1,8	4,7	0012345678910	0123456789
18	16118159	Lê Văn	Tinh	thuat		1	1,9	3,1	6	0012345678910	0123456789
19	15118108	Lê Trung	Tinh	thuat		1	1,7	4,6	7,3	0012345678910	0123456789
20	16118160	Lê Bá	Toàn	thuat		1	1,9	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
21	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn	thuat		0,9	1,8	2,1	4,8	0012345678910	0123456789
22	14118090	Lê Văn	Tùng	thuat		0,8	1,8	2,9	5,5	0012345678910	0123456789
23	16118170	Võ	Tường	thuat		1	1,8	3,4	6,2	0012345678910	0123456789
24	16118171	Đoàn Đình	Vân	thuat		0,9	1,9	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
25	13118354	Lê Lương Tuấn	Vũ	thuat		0	1,8	1	2,8	0012345678910	0123456789
26	16118178	Phan Hoàng	Vũ	thuat		0,9	1,7	3,7	6,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 24 Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Văn Miếu

 Ngô Văn Miếu

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

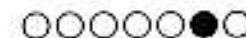
Ngô Thị Phương Thảo

Trương Quang Trường

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK			0,9	1,7	4,5	7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			1	1,8	3,9	6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16118010	Đinh Quốc Ân	DH16CK			0,7	1,5	1,8	4,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK			1	1,9	3,5	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK			0,9	1,6	0,6	3,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT			0,6	1,6	2,3	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			1	1,8	1,8	4,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16118023	Huỳnh Trung Cường	DH16CK			0,5	1,4	0,4	2,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			0,7	1,8	0,9	3,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			0,6	1,9	2,5	5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			0,9	1,8	0,6	3,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC			1	1,8	1,9	4,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118109	Phạm Đại	DH13CC			0,5	1,7	1,9	4,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			0,5	1	2,7	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT			1	1,8	4,3	7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02629



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - 001_DHI6CK_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD200

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp

DHI6CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16118029	Văn Phú Đạt	DHI6CK			0,6	1,6	2	4,2	0012345678910	0123456789
17	16118045	Đào Văn Hải	DHI6CC			1	1,9	4	6,9	0012345678910	0123456789
18	16118047	Nguyễn Văn Hạnh	DHI6CK		✓					0012345678910	0123456789
19	16118049	Nguyễn Văn Hào	DHI6CK			0,5	1,7	1,6	3,8	0012345678910	0123456789
20	16118052	Hồ Sông Hậu	DHI6CK			0,7	1,8	2,4	4,9	0012345678910	0123456789
21	16118053	Trần Thanh Hậu	DHI6CK			0,7	1,8	4,4	6,9	0012345678910	0123456789
22	16118058	Bùi Hữu Hoàng	DHI6CK			0,6	2	4,1	6,7	0012345678910	0123456789
23	16118063	Ngư Hoàng Huy	DHI6CK			0	1,2	0	1,2	0012345678910	0123456789
24	16118065	Phạm Tuấn Huy	DHI6CK			0,5	1,6	1,8	4	0012345678910	0123456789
25	16118076	Vũ Hoàng Kim	DHI6CK			0,5	1,5	1,6	3,6	0012345678910	0123456789
26	16118081	Trần Hữu Lâm	DHI6CK			1	1,9	2,4	5,3	0012345678910	0123456789
27	16118085	Trần Vũ Linh	DHI6CK			0,5	1,7	2,2	4,4	0012345678910	0123456789
28	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DHI3CK			0,6	1,9	2,2	4,7	0012345678910	0123456789
29	16118095	Nguyễn Thành Luyến	DHI6CK			1	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
30	15118060	Phạm Văn Mai	DHI5CK			1	1,9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Dụng cụ và kỹ thuật đo lường (207107) - 001_DH16CK_02

Số Tín Chỉ 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD200

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Lớp DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	16118098	Nguyễn Bình Trí	Mẫn	DH16CK	<i>Tran</i>	0,7	1,8	1,1	3,6	00012345678910	0123456789
32	16118102	Phạm Nhật	Minh	DH16CK	<i>Pham</i>	0,7	1,7	1,1	3,5	00012345678910	0123456789
33	16118104	Đào Xuân	Nguyên	DH16CK	<i>Nguyen</i>	0,6	1,8	4,1	6,5	00012345678910	0123456789
34	16118107	Huỳnh Hữu	Nhân	DH16CC	<i>Huynh</i>	0,7	1,5	2,1	4,3	00012345678910	0123456789
35	16118115	Ngô Thanh	Phong	DH16CK	<i>Nguyen</i>	0,7	1,8	1,7	4,2	00012345678910	0123456789
36	16118130	Bùi Thanh	Sang	DH16CK	<i>Sang</i>	0,4	1,1	0,4	1,9	00012345678910	0123456789
37	16154083	Nguyễn Xuân	Sinh	DH16OT	<i>Sinh</i>	0,4	1,8	3,4	5,6	00012345678910	0123456789
38	16118135	Nguyễn Văn	Son	DH16CC	<i>Son</i>	1	1,9	0,8	3,7	00012345678910	0123456789
39	16118136	Trần Văn	Sự	DH16CK	<i>Tran</i>	1	2	4,3	7,3	00012345678910	0123456789
40	16118138	Nguyễn Anh	Tài	DH16CK	<i>Nguyen</i>	0,5	1,8	0,7	3	00012345678910	0123456789
41	16118141	Lưu Văn	Tân	DH16CK	<i>Lieu</i>	0,6	1,6	1,8	4	00012345678910	0123456789
42	16118146	Hoàng Văn	Thánh	DH16CC	<i>Hoang</i>	1	1,9	4,7	7,6	00012345678910	0123456789
43	16118144	Nguyễn Minh	Thắng	DH16CK	<i>Nguyen</i>	0,6	1,9	3,5	6	00012345678910	0123456789
44	16118154	Lê Xuân	Tiến	DH16CK	<i>Le</i>	0,5	1,5	3,2	5,2	00012345678910	0123456789
45	16118155	Nguyễn Hữu	Tiến	DH16CK	<i>Nguyen</i>	0,3	1,8	0,8	2,9	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02629



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Dung sai và kỹ thuật đo lường (207107) - 001_DH16CK_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **15/01/2018**Giờ Thi: **12:15**Phòng Thi **RD200**Giảng viên: **Nguyễn Thị Phương Thảo**Lớp **DH130T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH130T	<i>Đan</i>		0,7	1,4	2	4,1	001234567890	0123456789
47	16118164	Đào Thanh Tù	DH16CC	<i>Đào</i>		1	1,8	4,6	7,4	001234567890	0123456789
48	16118165	Đinh Văn Tù	DH16CK	<i>Đinh</i>		0,7	1,8	3	5,5	001234567890	0123456789
49	15118122	Nguyễn Ngọc Tù	DH16CK	<i>Nguyễn</i>	✓					001234567890	0123456789
50	16118179	Nguyễn Minh Vương	DH16CK	<i>Nguyễn</i>		1	2	2,7	5,7	001234567890	0123456789
51	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK	<i>Võ</i>		0,9	1,8	2,3	5	001234567890	0123456789

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Số sinh viên dự thi: **49** Số sinh viên vắng: **02**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Nguyễn Thị Hồng Diệp**Nguyễn Văn Ngọc Thạch**PGS.TS. Nguyễn Huy Bích**Nguyễn Thị Phương Thảo**Trương Quang Tuấn*

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Hình học tọa độ hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH16GN_02 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD201 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH15CB (Chế biến lâm sản) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15115001	Ngô Văn An	DH15CB			1,0	2,1	1,8	4,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
2	15115004	Lưu Tuyết Anh	DH15GB			1,6	1,8	1,5	4,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
3	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL			0,6	1,2	2,0	3,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
4	14137009	Hồ Thế Bảo	DH14NL			1,2	1,2	1,5	3,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
5	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	15115010	Nguyễn Đăng Báu	DH15GB		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	15154007	Nguyễn Xuân Chính	DH15OT			0,6	1,5	1,0	3,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
8	15115015	Nguyễn Tấn Cường	DH15GB			1,0	2,1	1,0	4,1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
9	15115017	Trương Nguyễn Thái Danh	DH15GN			0,0	1,2	1,0	2,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
10	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT			0,0	0,0	0,8	1,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
11	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			1,2	2,1	3,4	6,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○
12	13137041	Trần Ngọc Dũng	DH13NL			0,4	0,0	1,0	2,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
13	16154022	Trần Văn Dũng	DH16OT		✓	1,0	2,4	1,0	4,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	14115292	Huỳnh Khương Duy	DH14CB			1,0	2,4	1,0	4,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●
15	15115031	Trương Thị Mỹ Duyên	DH15CB			1,6	2,4	3,3	7,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ●



Mã nhận dạng 02632



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

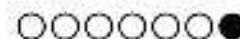
Môn Học/Nhóm: Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH16GN_02 Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi: RD201 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp: DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			1,0	1,8	1,0	3,8	001234567890	0123456789
17	16115025	Nguyễn Thành Đạt	DH16CB		✓					001234567890	0123456789
18	16115031	Lê Văn Đồng	DH16CB			0,6	1,2	1,0	2,8	001234567890	0123456789
19	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD			1,2	2,1	1,3	4,6	001234567890	0123456789
20	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			1,2	2,4	2,5	6,1	001234567890	0123456789
21	15115036	Vũ Thế Hải	DH15CB		✓					001234567890	0123456789
22	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC			1,2	1,8	2,0	5,0	001234567890	0123456789
23	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD			1,0	1,8	2,3	5,1	001234567890	0123456789
24	15115052	Phạm Nguyễn Quỳnh Hoa	DH15GB			1,6	1,8	2,3	5,7	001234567890	0123456789
25	14115190	Lý Minh Hòa	DH14CB			1,0	1,5	2,3	4,8	001234567890	0123456789
26	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			1,2	0,6	3,0	4,8	001234567890	0123456789
27	15137028	Nguyễn Hữu Quang Huy	DH16NL		✓					001234567890	0123456789
28	16118063	Ngư Hoàng Huy	DH16CK		✓					001234567890	0123456789
29	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC			1,6	2,4	3,0	7,0	001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm **Hình học tọa độ hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH16GN_02**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV325

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

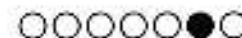
Lớp **DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL			1,4	1,5	1,3	4,2	0012345678910	0123456789
2	16118061	Huỳnh Tấn	DH16CC			1,2	2,1	1,3	4,6	0012345678910	0123456789
3	16118071	Cao Hoàng	DH16CC			1,6	2,7	3,8	8,1	0012345678910	0123456789
4	16118072	Phạm Minh	DH16CC			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
5	16118082	Nguyễn Xuân	DH16CC			1,2	2,1	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
6	15115074	Trần Thị Kim	DH15GB			1,4	1,5	1,8	4,9	0012345678910	0123456789
7	16118080	Hải	DH16CC			1,4	2,6	1,8	5,8	0012345678910	0123456789
8	15115079	Hoàng Thị Mỹ	DH15CB			1,8	2,4	4,3	8,5	0012345678910	0123456789
9	13118199	Đào Huy	DH13CK			1,4	2,1	3,3	6,8	0012345678910	0123456789
10	14138018	Nguyễn Hoàng	DH14TD			1,0	0,6	1,3	2,9	0012345678910	0123456789
11	16118086	Nguyễn Đại	DH16CC			1,2	2,7	2,7	6,2	0012345678910	0123456789
12	15115086	Trần Văn	DH15GN			1,2	1,5	2,3	5,0	0012345678910	0123456789
13	16115101	Nguyễn Hữu	DH16CB			1,4	0,6	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
14	15115103	Bùi Văn	DH15CB			1,0	0,6	0,5	2,1	0012345678910	0123456789
15	16118103	Nguyễn Trọng	DH16CC			1,4	2,7	3,5	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02633



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH16GN_02

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: PV325

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

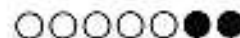
Lớp: DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD			1,2	2,4	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
17	15115108	Vũ Thị Bích Ngọc	DH15GB			1,4	1,2	2,3	4,9	0012345678910	0123456789
18	15115110	Ngô Thị Phương Nhã	DH15CB			0,0	0,0	0,8	0,8	0012345678910	0123456789
19	16115132	Huỳnh Ngọc Phần	DH16CB			1,2	0,6	1,3	3,1	0012345678910	0123456789
20	14138022	Đôi Thanh Phong	DH14TD			1,0	1,2	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
21	16118123	Nguyễn Tông Quân	DH16CC			0,6	1,8	3,3	5,7	0012345678910	0123456789
22	16118128	Lê Đức Quý	DH16CC			1,2	2,4	3,3	6,9	0012345678910	0123456789
23	15115136	Đào Thị Quyên	DH15GB			1,4	2,4	3,3	7,1	0012345678910	0123456789
24	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL			0,8	1,2	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
25	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC			1,0	1,2	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
26	16115149	Nguyễn Anh Tài	DH16CB			0,0	0,0	0,5	1,1	0012345678910	0123456789
27	14114399	Vô Nguyễn Huy Tấn	DH14GN			1,4	1,2	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
28	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			1,0	1,8	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
29	14115372	Nguyễn Văn Thạch	DH14GN			1,2	1,4	1,4	4,0	0012345678910	0123456789
30	16137072	Nguyễn Việt Thanh	DH16NL			0,8	0,9	1,5	3,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02633



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH16GN_02 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi PV325 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH16OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm l8
31	16154095	Vân Công Thiện	DH16OT		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15115163	Huỳnh Thiên Xuân	DH15GN	HL		1,0	2,7	2,5	6,2	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13118301	Lê Đức	DH13CC		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	16153093	Nguyễn Lê	DH16CD	nh2		0,8	1,2	3,5	5,5	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
35	15115168	Nguyễn Phước	DH15CB	Phuoc		0,8	1,2	3,0	5,0	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14115397	Ngô Thị Bích	DH14CB	thao		1,0	1,2	3,6	5,8	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
37	14118081	Lê Ngọc Đăng	DH14CK	Trinh		1,4	2,4	3,0	6,8	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
38	15137063	Nguyễn Phước	DH15NL		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	14118292	Nguyễn Tấn	DH14CK	Trinh		0,8	2,0	1,3	4,1	○⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13137156	Dương Minh	DH13NL		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	16118164	Đào Thanh	DH16CC	thao		1,2	2,4	3,3	6,9	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧●
42	15118122	Nguyễn Ngọc	DH16CK		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	14118304	Phạm Thanh	DH14CK		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14138111	Vô Xuân	DH14TD		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	14137091	Phạm Đức	DH14NL	Phuoc		1,0	1,8	2,0	4,8	○⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 02633



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH16GN_02** Số Tín Ch 3Ngày Thi **30/01/2018** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **PV325** Giảng viên: **Nguyễn Thanh Phong**Lớp **DH16GB (Công nghệ giấy và bột giấy)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	16115201	Vũ Mai Uyên	DH16GB		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			1/6	2/1	2/1	5,8	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
48	16137104	Lê Hoàng Vũ	DH16NL		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi: 39 Số sinh viên vắng: 09

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Hoàng Văn Đức

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hồng Đức

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Võ Đức Thành Tiến

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thanh Phong

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH16CB_03

Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

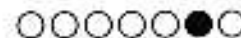
Lớp DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16115006	Phan Đức Anh	DH16CB			1,0	1,2	1,8	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	16115009	Nguyễn Thị Bình	DH16CB			1,6	1,2	3,0	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
3	16115012	Vũ Thị Ngọc	DH16CB			1,8	2,4	4,5	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
4	16115013	Nguyễn Thị Thủy	DH16CB			1,8	1,5	2,3	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
5	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN		✓					○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			0,6	0,6	1,0	2,2	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	16115255	Nguyễn Thị Dịu	DH16GN			1,4	1,2	1,8	4,4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13115184	Nguyễn Hoàng Vi	DH13GN			0,0	0,0	0,5	0,5	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL			1,2	1,5	2,0	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
10	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			0,8	1,5	1,8	4,1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL			0,8	0,6	3,5	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
12	16115214	Trần Thị Trúc	DH16GN			1,4	1,2	3,0	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
13	16115037	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CB		✓					○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	16115227	Lê Thị Mai Hào	DH16GN			1,0	1,5	1,8	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	16115251	Lê Thị Thúy Hằng	DH16CB			1,2	1,8	2,5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02630



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DHI6CB_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DHI6CB (Chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16115040	Võ Thị Thu Hằng	DHI6CB			16	2,4	3,5	7,5	0012345678910	0123456789
17	16115046	Trương Đình Hậu	DHI6CB			16	2,1	3,5	7,2	0012345678910	0123456789
18	16115052	Huỳnh Minh Hiếu	DHI6CB			14	1,5	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
19	16115067	Dặng Quang Huy	DHI6CB			14	2,1	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
20	15115068	Phạm Nguyễn Hoàng Huy	DHI5CB			12	1,5	2,8	5,5	0012345678910	0123456789
21	16115076	Trần Duy Khánh	DHI6CB			06	0,6	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
22	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DHI3OT			08	0,9	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
23	16115078	Nguyễn Thị Dăng Khoa	DHI6GN			08	1,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
24	16115253	Lưu Thị Bích Kiều	DHI6CB			14	1,5	3,8	6,7	0012345678910	0123456789
25	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DHI6NL			10	2,4	2,8	6,2	0012345678910	0123456789
26	14114229	Nguyễn Văn Lâm	DHI4CB			08	1,8	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
27	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DHI3CK			12	2,3	1,8	5,3	0012345678910	0123456789
28	16115095	Nguyễn Tâm Lực	DHI6GN			14	2,1	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
29	16115096	Ngô Văn Lương	DHI6CB		✓					0012345678910	0123456789
30	13153014	Trịnh Đình Minh	DHI3CD			06	0,9	2,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02630



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH16CB_03** Số Tin Ch 3Ngày Thi **30/01/2018** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **RD106** Giảng viên: **Nguyễn Thanh Phong**Lớp **DH14GB (Công nghệ giấy và bột giấy)** Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14115081	Phan Thị Kim Ngân	DH14GB			1,4	0,9	2,8	5,1	0012345678910	0123456789
32	16115113	Nguyễn Kiều	DH16GN			1,2	1,2	2,7	4,7	0012345678910	0123456789
33	16115115	Trần Thị Ánh	DH16CB			1,2	1,8	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
34	16118108	Ngô Quang Đình	DH16CC			1,0	0,9	2,0	3,9	0012345678910	0123456789
35	16115126	Huỳnh Thị Cẩm	DH16CB			1,8	2,4	4,0	8,2	0012345678910	0123456789
36	16115124	Trần Đạo	DH16CB			1,2	2,6	3,8	7,6	0012345678910	0123456789
37	16115133	Nguyễn Đức	DH16CB		✓					0012345678910	0123456789
38	13154157	Lê Hồng	DH13OT			1,0	2,1	3,8	6,9	0012345678910	0123456789
39	16118119	Đinh Đình Hoài	DH16CC			1,6	2,1	4,5	8,2	0012345678910	0123456789
40	13115084	Nguyễn Hoàng	DH13GB		✓					0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 35 Số sinh viên vắng: 5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam
Nguyễn Thị Thuông Thảo
TS. Lê Văn Thanh Triều
Nguyễn Thanh Phong

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Hình học tọa độ hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DHI6CB_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

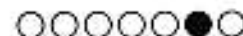
Lớp DH16GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16115139	Đình Trần Minh Quang	DH16GB	<i>Minh</i>		0,8	0,9	2,0	3,7	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○
2	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT	<i>Minh</i>		0,8	1,8	3,8	6,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	16115215	Nguyễn Gia Quyền	DH16CB	<i>Quyen</i>		1,2	2,4	3,8	7,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	16137067	Nguyễn Hoàng Sơn	DH16NL	<i>Son</i>		0,6	0,6	1,3	2,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	16115164	Trương Thị Thảo	DH16GN	<i>Thao</i>		1,6	1,8	2,3	5,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○
6	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC	<i>Thang</i>		0,6	1,5	2,3	4,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK	<i>Thien</i>		0,0	0,0	0,5	9,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	16154094	Nguyễn Chí Thiện	DH16OT		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	16153087	Nguyễn Ngọc Thiện	DH16CD		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	15115158	Trần Thị Ngọc Thu	DH15GB	<i>Thu</i>		1,4	1,5	3,4	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	14115385	Phan Thị Thu Thúy	DH14GN	<i>Thuy</i>		1,6	1,5	3,6	6,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○
13	16115169	Đình Anh Thư	DH16GB		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	13115116	Nguyễn Hoàng Thương	DH13GB		✓					○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	16137081	Vô Ngọc Thương	DH16NL	<i>Thuong</i>		0,8	1,2	1,8	3,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○



Mã nhận dạng 02631



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH16CB_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

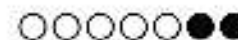
Lớp DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	16115177	Hồ Thị Thúy Tiên	DH16CB			1,4	1,4	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
17	16115244	Nguyễn Bảo Toàn	DH16CB			1,5	0,3	2,3	4,1	0012345678910	0123456789
18	15115169	Nguyễn Đức Toàn	DH15GN			1,2	1,8	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
19	16115180	Đương Thị Thủy Trang	DH16GN			1,4	1,2	3,0	5,6	0012345678910	0123456789
20	13154062	Huỳnh Quang Trang	DH13OT			0,4	0,6	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
21	16115245	Doãn Minh Trí	DH16CB			1,0	0,9	2,0	3,9	0012345678910	0123456789
22	16115216	Huỳnh Ngọc Trí	DH16CB			1,0	0,9	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
23	16115183	Lương Minh Trí	DH16CB		✓					0012345678910	0123456789
24	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI		✓					0012345678910	0123456789
25	15115179	Đinh Thị Ngọc Trinh	DH15CB			1,4	1,2	3,3	5,9	0012345678910	0123456789
26	16115184	Hà Thị Lệ Trinh	DH16CB			1,4	0,6	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
27	16114311	Trần Thị Tú Trinh	DH16CB			1,0	0,9	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
28	16115187	Nguyễn Kim Trinh	DH16CB			1,4	0,9	2,3	4,6	0012345678910	0123456789
29	16115190	Phan Ngọc Bảo Trúc	DH16CB			1,4	1,5	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
30	15115186	Vương Minh Trung	DH15CB		✓					0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02631



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH16CB_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp

DH16NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 25%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
31	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			0,8	0,9	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
32	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			0,8	0,9	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
33	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD			1,0	0,9	3,3	5,2	0012345678910	0123456789
34	16115199	Phạm Thị Ngọc	DH16CB			1,2	1,2	3,8	6,2	0012345678910	0123456789
35	13154204	Trần Phước	DH13OT			1,2	0,9	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
36	16115204	Nguyễn Thị Thúy Vân	DH16GB			1,2	0,6	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
37	16115249	Huỳnh Quang Vinh	DH16CB			1,2	0,6	2,9	4,7	0012345678910	0123456789
38	14115269	Lương Quốc	DH14CB							0012345678910	0123456789
39	16115208	Lý Tuấn	DH16CB			1,4	0,9	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
40	16115211	Nguyễn Thị Thúy Vy	DH16CB			1,4	1,2	3,6	6,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 40

Số sinh viên vắng: 9

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH17CC_04** Số Tin Ch 3

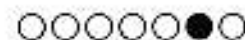
Ngày Thi **30/01/2018** Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi **RD502** Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp **DH17CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)** Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC	<i>[Signature]</i>		1,6	1,8	1,0	4,4	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17118002	Võ Thành An	DH17CC	<i>[Signature]</i>		0,4	1,5	1,0	2,9	○ ○ ○ ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
3	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	17118004	Lương Tú Anh	DH17CK		✓					○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	17118005	Phan Văn Hồng Anh	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,2	0,6	1,0	2,8	○ ○ ○ ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
6	17118006	Nguyễn Thanh Bà	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,6	0,9	2,5	5,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,2	1,2	2,8	5,2	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,0	0,9	3,0	4,9	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
9	17118012	Đinh Thanh Cảnh	DH17CK	<i>[Signature]</i>		0,0	0,9	1,8	2,7	○ ○ ○ ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
10	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CK		✓					○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	17118018	Lê Công Danh	DH17CK	<i>[Signature]</i>		0,4	1,5	2,5	4,4	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	17118028	Nguyễn Trần Minh Duy	DH17CK	<i>[Signature]</i>		0,0	0,6	0,5	1,1	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC	<i>[Signature]</i>		0,8	1,8	3,0	5,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK	<i>[Signature]</i>		0,8	1,2	3,0	5,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK	<i>[Signature]</i>		0,0	1,8	3,0	4,8	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨



Mã nhận dạng 02634



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Hình học hạ bình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH17CC_04

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD502

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH17CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 L.0 %	D2 3.0 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			1,6	1,5	4,0	7,1	001234567890	0123456789
17	17118023	Chau Bun Na	DH17CC			1,2	1,2	2,3	4,7	001234567890	0123456789
18	17118030	Lê Nguyễn Trường	DH17CC			0,8	1,5	1,5	3,8	001234567890	0123456789
19	17118031	Trần Thanh	DH17CK			0,6	1,8	2,8	5,2	001234567890	0123456789
20	17118032	Trần Hoàng	DH17CK			1,6	2,1	3,8	7,5	001234567890	0123456789
21	17118033	Lê Minh	DH17CK			1,2	2,1	9,5	3,8	001234567890	0123456789
22	17118034	Huỳnh Văn	DH17CK			1,2	1,5	3,5	6,2	001234567890	0123456789
23	17118036	Nguyễn Văn	DH17CK			1,4	1,8	2,3	5,5	001234567890	0123456789
24	17118037	Đào Huy	DH17CK		✓					001234567890	0123456789
25	17118038	Đỗ Thanh	DH17CK			1,0	1,2	1,0	3,2	001234567890	0123456789
26	17118043	Hồng Cẩm	DH17CC			1,4	1,2	3,1	5,7	001234567890	0123456789
27	17118044	Lê	DH17CK		✓					001234567890	0123456789
28	17118046	Trần	DH17CK			1,0	0,6	1,0	2,6	001234567890	0123456789
29	17118050	Bùi Hữu Minh	DH17CK			0,8	2,1	1,5	4,4	001234567890	0123456789
30	17118051	Nguyễn Trung	DH17CK			0,6	1,5	1,3	3,4	001234567890	0123456789

Lớp DH150T (Công nghệ kỹ thuật ôtô)												
STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15154017	Huỳnh Thanh	Giang	DH150T	✓						○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15115037	Nguyễn Thị Minh	Hải	DH15GB	Minh		1,2	2,1	2,3	5,6	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	15115042	Nguyễn Thị	Hằng	DH15CB	Thị		80	00	1,0	1,0	○⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15115043	Trần Thị Thúy	Hằng	DH15GB	Thúy		1,2	1,8	2,3	5,3	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14154022	Nguyễn Khánh	Huy	DH14OT	✓						○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	17118052	Bùi Thanh	Lâm	DH17CK	Lâm		0,6	2,1	2,3	5,0	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17118057	Nguyễn Văn	Lương	DH17CC	Văn		1,0	1,8	1,5	4,3	○⑩①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	17118058	Trần Ngọc Minh	Mẫn	DH17CK	Minh		1,2	0,9	1,5	3,6	○⑩①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	Mi	DH17CK	Yến		1,6	1,8	3,4	6,8	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	17118060	Ngô Hoàng	Minh	DH17CK	✓						○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	17118061	Đào Phương	Nam	DH17CK	Nam		1,0	1,2	4,6	6,8	○⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	17118063	Trần Phương	Nam	DH17CK	✓		0,4	0,6	0,5	1,5	○⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	17118065	Cao Quý	Nguyễn	DH17CK	Quý		6,4	0,9	1,5	2,8	○⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤⑥⑦●⑨
14	17118066	Hoàng Trung	Nguyễn	DH17CK	Trung		1,4	0,9	2,8	5,1	○⑩①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	⑩●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	17118067	Lý Thái	Nguyễn	DH17CC	Thái		0,6	1,2	0,8	2,6	○⑩①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑩①②③④⑤●⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02635



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17CC_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

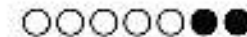
Lớp DH17CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			1,4	1,5	2,8	5,7	0012345678910	0123456789
17	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			0,8	1,8	1,8	4,4	0012345678910	0123456789
18	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			0,6	1,8	3,0	5,4	0012345678910	0123456789
19	17118072	Nguyễn Minh Nhật	DH17CK			0,8	1,2	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
20	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CK			1,2	1,5	2,3	5,0	0012345678910	0123456789
21	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			0,4	0,9	0,8	2,1	0012345678910	0123456789
22	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			0,4	2,7	3,4	6,5	0012345678910	0123456789
23	17118079	Đặng Nguyễn Hoài Phú	DH17CC			1,0	2,4	3,5	6,9	0012345678910	0123456789
24	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			0,6	1,5	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
25	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			0,8	1,8	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
26	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			2,0	2,1	3,5	7,6	0012345678910	0123456789
27	17118089	Phạm Bùi Tấn	DH17CC			0,8	0,6	2,8	4,2	0012345678910	0123456789
28	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			0,8	2,1	1,0	3,9	0012345678910	0123456789
29	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			1,2	1,8	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
30	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			1,4	2,1	3,8	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02635



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17CC_04 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi HD205 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH17CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC	Tân		1,4	2,8	1,5	5,6	0012345678910	0123456789
32	17118099	Dỗ Đại Thạch	DH17CC	Thạch		1,0	2,8	1,0	4,8	0012345678910	0123456789
33	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC	Thành		1,2	2,8	3,3	7,2	0012345678910	0123456789
34	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK	Thiên		1,0	2,4	1,5	4,9	0012345678910	0123456789
35	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT	V						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34. Số sinh viên vắng: 4.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ký tên:
 Lê Văn Tuấn

Ký tên:
 Lê Văn Thiên

Ký tên:
 TS. Võ Ngọc Thảo Tiên

Ký tên:
 Nguyễn Thanh Phong

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH17CK_05**

Số Tín Chỉ 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV315

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp **DH17CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17118009	Trần Quốc Bảo	DH17CC	<i>Bu</i>		0,0	0,3	1,0	1,3	○ ○ ○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CK	<i>Bu</i>		0,4	2,4	1,0	3,8	○ ○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
3	17118015	Đặng Ái Cường	DH17CK	<i>Cuong</i>		1,2	1,5	1,8	4,5	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC	<i>Can</i>		1,4	1,8	0,8	4,0	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC	<i>duy</i>		1,2	0,8	1,8	3,8	○ ○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
6	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC	<i>duy</i>		1,2	0,3	0,5	2,0	○ ○ ○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17118026	Lê Đình Dương	DH17CK	<i>duy</i>		1,6	1,8	2,8	6,2	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ○ ● 3 4 5 6 7 8 9
8	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC	<i>hiu</i>		1,2	1,5	2,3	5,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17118041	Trương Mạnh Hùng	DH17CC	<i>hung</i>		1,0	0,6	2,0	3,6	○ ○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC	<i>hu</i>		1,4	1,8	0,5	3,7	○ ○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC		✓					○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17118047	Nguyễn Hữu Khung	DH17CK	<i>khung</i>		1,2	2,9	4,5	8,6	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
13	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC	<i>linh</i>		0,8	1,8	1,3	3,9	○ ○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
14	17118055	Phan Công Linh	DH17CC		✓					○ ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK	<i>nam</i>		0,0	0,6	1,0	2,4	○ ○ ○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02636



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Hình học tọa độ hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 001_DH17CK_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV315

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH17CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			0,8	2,4	1,5	4,7	0012345678910	0123456789
17	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			1,6	2,4	3,1	7,1	0012345678910	0123456789
18	17118073	Nguyễn Minh Nhật	DH17CK			1,0	0,3	1,0	2,3	0012345678910	0123456789
19	17118074	Trần Long Nhật	DH17CC			1,0	1,2	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
20	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			0,8	1,5	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
21	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			1,4	2,6	3,0	7,0	0012345678910	0123456789
22	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			1,2	1,7	4,3	7,2	0012345678910	0123456789
23	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			2,0	2,7	1,5	6,2	0012345678910	0123456789
24	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			1,0	1,2	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
25	17118086	Huỳnh Minh Quý	DH17CC							0012345678910	0123456789
26	17118090	Trương Công Sơn	DH17CK			1,6	1,2	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
27	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			1,6	1,5	2,5	5,6	0012345678910	0123456789
28	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			1,2	0,6	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
29	17118098	Đặng Ngọc Thạch	DH17CK			1,0	0,9	2,0	3,9	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Hình học tọa độ - vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17CK_05 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD204 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH17CK (Cơ khí nông lâm) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15118095	Trương Phi Bảo	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,2	2,7	2,5	6,4	○○○12345●7890	○1234●56789
2	15115057	Hoàng Tăng Hoài	DH15CB		✓					○●1234567890	●123456789
3	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,2	0,6	2,5	4,3	○○123●567890	○12●456789
4	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,4	2,1	3,8	7,3	○○123456●890	○12●456789
5	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,4	2,4	3,0	6,8	○○12345●7890	○1234567●9
6	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC	<i>[Signature]</i>		1,4	2,1	3,8	7,3	○○123456●890	○12●456789
7	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,4	2,4	2,8	6,6	○○12345●7890	○12345●789
8	17118107	Bà Duy Thịnh	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,4	2,3	4,7	○○123●567890	○123456●89
9	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,4	1,2	2,5	5,1	○○1234●567890	○●123456789
10	17118109	Võ Đức Thịnh	DH17CC	<i>[Signature]</i>		1,2	2,0	3,6	6,8	○○12345●7890	○1234567●9
11	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK	<i>[Signature]</i>		0,8	0,7	2,5	3,6	○○12●34567890	○12345●789
12	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC	<i>[Signature]</i>		1,2	0,6	1,8	3,6	○○12●34567890	○12345●789
13	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC	<i>[Signature]</i>		1,0	1,7	2,8	5,4	○○1234●567890	○123●456789
14	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CK	<i>[Signature]</i>		0,6	1,2	2,5	4,8	○○123●4567890	○1234567●9
15	17118115	Trần Nhật Tiên	DH17CK	<i>[Signature]</i>		1,2	1,4	2,3	4,9	○○123●4567890	○12345678●9



Mã nhận dạng 02637



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17CK_05

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 30/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD204

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

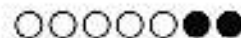
Lớp DH17CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	17118117	Hoàng Ngọc Tin	DH17CK			1,6	2,6	3,0	7,2	0012345678910	0123456789
17	17118118	Kiểu Trọng Tin	DH17CK			0,8	1,5	1,5	3,8	0012345678910	0123456789
18	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			1,4	0,6	1,8	3,8	0012345678910	0123456789
19	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			0,6	0,8	2,8	4,2	0012345678910	0123456789
20	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			1,4	1,8	2,8	6,0	0012345678910	0123456789
21	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			1,2	2,6	1,8	5,6	0012345678910	0123456789
22	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			1,2	2,4	2,8	6,4	0012345678910	0123456789
23	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			1,2	1,8	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
24	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			0,8	2,1	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
25	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			1,8	2,9	5,0	9,7	0012345678910	0123456789
26	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			1,6	2,1	3,5	7,2	0012345678910	0123456789
27	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			1,2	2,1	4,0	7,3	0012345678910	0123456789
28	17118135	Dặng Năng Sơn	DH17CC		✓					0012345678910	0123456789
29	17118136	Dặng Thanh Việt	DH17CK			0,6	2,1	2,0	4,7	0012345678910	0123456789
30	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			1,0	0,9	2,0	3,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02637



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật (207108) - 002_DH17CK_05** Số Tin Ch **3**Ngày Thi **30/01/2018** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **RD204** Giảng viên: **Nguyễn Thanh Phong**Lớp **DH17CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 2%	D2 3%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm l8
31	17118138	Nguyễn Đăng Việt	DH17CC			0,8	1,5	1,5	3,8	001234567890	0123456789
32	17118139	Phạm Quốc Việt	DH17CK			1,4	2,1	2,5	6,3	001234567890	0123456789
33	17118140	Nguyễn Xuân Vinh	DH17CK			1,0	9,6	1,5	3,1	001234567890	0123456789
34	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CK			0,8	2,0	1,8	4,6	001234567890	0123456789
35	17118142	Vô Tấn Vũ	DH17CK			0,8	1,4	2,8	5,0	001234567890	0123456789
36	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CK			1,6	2,4	4,0	8,0	001234567890	0123456789
37	17118144	Vô Hoàng Vương	DH17CC		✓					001234567890	0123456789
38	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CK			8,0	0,6	1,5	2,1	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi **35**...Số sinh viên vắng: **3**...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi TV303 Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			8,6	5	3	4,9	0012345678910	0123456789
2	16154004	Trần Quốc An	DH16OT			7,4	9	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
3	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD			7,3	8	0	3,8	0012345678910	0123456789
4	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD			8,6	9	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
5	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			7,2	9	5	6,6	0012345678910	0123456789
6	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD			8,3	8	3	5,6	0012345678910	0123456789
7	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			8,6	8	4	6,2	0012345678910	0123456789
8	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			7,2	9	1,5	4,8	0012345678910	0123456789
9	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL			7,6	8	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
10	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			8,3	7	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
11	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD			8,3	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
12	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			7,9	7	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
13	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD	✓						0012345678910	0123456789
14	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD			9	8	2	5,3	0012345678910	0123456789
15	16153020	Lê Kim Hải	DH16CD	✓						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02649



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

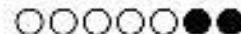
DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16138030	Nguyễn Văn Hào	DH16TD			6,9	9	6,5	7,2	001234567890	0123456789
17	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD			6,9	9	2,5	5,2	001234567890	0123456789
18	16115052	Huỳnh Minh Hiếu	DH16CB			7,2	8	0,5	4,1	001234567890	0123456789
19	14137036	Nguyễn Hồng Hiếu	DH14NL			7	5	4	5,0	001234567890	0123456789
20	16154043	Trần Tấn Hưng	DH16OT			7,9	8	5,5	6,7	001234567890	0123456789
21	15138035	Phạm Hồng Linh	DH15TD			6,3	9	1,5	4,6	001234567890	0123456789
22	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD			7,3	7	2	4,6	001234567890	0123456789
23	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD			8,3	8	3	5,6	001234567890	0123456789
24	16153060	Lê Nguyễn Ngọc	DH16CD			8,6	9	5,5	7,2	001234567890	0123456789
25	16154068	Phan Chí Nguyễn	DH16OT			7,3	9	2	5,1	001234567890	0123456789
26	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD			7,6	9	3,5	5,9	001234567890	0123456789
27	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD			7,6	9	0,5	4,4	001234567890	0123456789
28	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD			6,9	7	3	5,0	001234567890	0123456789
29	16153068	Lê Quốc Qui	DH16CD			7,9	8	6	7,0	001234567890	0123456789
30	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD			7,9	7	4	5,7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02649



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

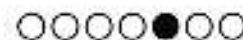
Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD			6,9	9	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
32	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD			8,3	9	2	5,3	0012345678910	0123456789
33	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT			7,9	9	1	4,7	0012345678910	0123456789
34	16153082	Tô Thanh	DH16CD			8,3	9	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
35	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD			7,2	8	3	5,3	0012345678910	0123456789
36	16153083	Vô Trí Thanh	DH16CD			9	9	6	7,5	0012345678910	0123456789
37	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD			8	9	2	5,3	0012345678910	0123456789
38	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			7,6	9	5	6,7	0012345678910	0123456789
39	16138075	Nguyễn Sơn	DH16TD			8,6	9	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
40	16138079	Lê Thế	DH16TD			7,9	8	4	6,0	0012345678910	0123456789
41	16153087	Nguyễn Ngọc Thiệu	DH16CD							0012345678910	0123456789
42	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD			8,3	8	6	7,1	0012345678910	0123456789
43	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DH16CD			8,3	9	3	5,8	0012345678910	0123456789
44	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD			8	9	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
45	16118162	Ngô Khắc Triệu	DH16TD			7,2	6	4,5	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02649



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm **Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16CD_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD			7,6	9	5	6,7	0012345678910	0123456789
47	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD			7,9	9	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
48	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD			7,9	9	2	5,2	0012345678910	0123456789
49	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD			7,6	9	4,5	6,4	0012345678910	0123456789
50	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD			7,6	9	1,5	4,9	0012345678910	0123456789
51	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD			7,9	9	0,5	4,5	0012345678910	0123456789
52	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD			7,9	9	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
53	16115208	Lý Tuấn Vũ	DH16CB			6,4	9	0	3,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 50. Số sinh viên vắng: 3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

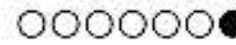
Cán Bộ Chấm Thi 2

 Trần Thị Kim Ngà

 Nguyễn Văn Tuấn Anh

 PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

 Trần Thị Kim Ngà



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15NL_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			7,2	4	9,5	3,1	00012345678910	00023456789
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL			8	7	9,5	4,0	00012345678910	00123456789
3	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			7,7	4	4	4,9	00012345678910	00123456789
4	15138005	Dương Võ Bình	DH15TD			0	0	0	0	00012345678910	00123456789
5	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			7,3	3	0	2,6	00012345678910	00123456789
6	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			7,3	4	3,5	4,6	00012345678910	00123456789
7	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD			7,9	5	2	4,2	00012345678910	00123456789
8	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			8,4	7	3,5	5,6	00012345678910	00123456789
9	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT		✓					00012345678910	00123456789
10	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			0	0	0	0	00012345678910	00123456789
11	16115028	Nguyễn Mạnh Đình	DH16CB		✓					00012345678910	00123456789
12	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT			7,2	6	2	4,3	00012345678910	00123456789
13	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			7,3	8	2	4,8	00012345678910	00123456789
14	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD			8,6	7	4,5	6,2	00012345678910	00123456789
15	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT			7,9	6	3,5	5,2	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 02647



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15NL_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

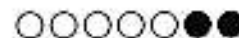
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			7,9	5	4	5,2	0012345678910	0123456789
17	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			6,9	3	1	3,0	0012345678910	0123456789
18	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT			6,7	0	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
19	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			9	4	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
20	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			7,6	5	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
21	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			7,6	6	5	5,9	0012345678910	0123456789
22	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			8,6	6	4	5,7	0012345678910	0123456789
23	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			7,9	5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
24	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			7,9	4	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
25	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL			7,9	6	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
26	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK			7,6	4	1	3,4	0012345678910	0123456789
27	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			6,9	5	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
28	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			7,6	4	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
29	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			7	3	2	3,5	0012345678910	0123456789
30	15153029	Phạm Duy Khánh	DH15CD			7,3	5	2	4,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02647



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15NL_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT		✓					0001234567890	0123456789
32	14118036	Nguyễn Thành Lê	DH14CC			6,3	0	2,5	2,8	0001234567890	0123456789
33	15118051	Mai Văn Lịch	DH15CK		✓					0001234567890	0123456789
34	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			7,9	4	3	4,5	0001234567890	0123456789
35	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			7	5	2	4,0	0001234567890	0123456789
36	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			6,7	4	2	3,7	0001234567890	0123456789
37	13137087	Bùi Phú Hoàng	DH13NL			8	4	2	4,0	0001234567890	0123456789
38	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			8,6	6	3	5,2	0001234567890	0123456789
39	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			6,3	0	1,5	2,3	0001234567890	0123456789
40	15118070	Lý Nghệ	DH15CK			6,9	5	0,5	3,2	0001234567890	0123456789
41	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			7,3	4	5	5,3	0001234567890	0123456789
42	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			6,9	9	4,5	6,2	0001234567890	0123456789
43	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			6,3	6	3,5	4,8	0001234567890	0123456789
44	13118039	Huỳnh Hằng Phúc	DH13CK		✓					0001234567890	0123456789
45	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT		✓					0001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DH15NL_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD303 Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			8,0	7	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	15118084	Bùi Quốc Quí	DH15CC	V						0012345678910	0123456789
3	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			7,6	5	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
4	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			8	6	1	4,0	0012345678910	0123456789
5	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC	V						0012345678910	0123456789
6	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			6,9	4	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
7	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			6,0	4	1	3,2	0012345678910	0123456789
8	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			6	4	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
9	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			9	6	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
10	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL			5,6	7	2	4,2	0012345678910	0123456789
11	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			8,6	5	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
12	15137050	Phan Minh Tâm	DH15NL			7,6	4	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
13	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			7,2	3	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
14	14137073	Nguyễn Thanh Thế	DH14NL			7,6	4	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
15	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			7,3	4	3	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02648



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DH15NL_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

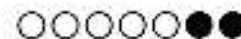
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

SIT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm tđ
16	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			6,7	5	3	4,4	0012345678910	0123456789
17	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK			4,8	4	0	1,5	0012345678910	0123456789
18	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK			6,9	7	2	4,5	0012345678910	0123456789
19	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			7,6	4	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
20	14137074	Nguyễn Mậu Thiệt	DEH14NL			6,3	6	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
21	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			7,2	4	3	4,3	0012345678910	0123456789
22	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DEH14NL			6,6	6	5	5,7	0012345678910	0123456789
23	14154059	Phạm Văn Thức	DEH14OT	✓						0012345678910	0123456789
24	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			7,9	6	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
25	15137059	Phan Nhật Tiến	DH15NL	✓						0012345678910	0123456789
26	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			7,6	6	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
27	14137085	Dinh Thành Trọng	DEH14NL			6,6	6	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
28	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK			8,3	3	1	3,3	0012345678910	0123456789
29	15137065	Lê Trung	DH15NL			6,6	4	1	3,2	0012345678910	0123456789
30	14137088	Huỳnh Văn Trường	DH14NL			8,3	0	4	4,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02648



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 002_DHI5NL_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DHI3NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ3 25%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13137156	Dương Minh Tú	DHI3NL			5	6	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
32	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DHI5OT			7	0	5	4,3	0012345678910	0123456789
33	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DHI3OT							0012345678910	0123456789
34	14154064	Mai Quốc Việt	DHI4OT			8,6	7	6	6,9	0012345678910	0123456789
35	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DHI5NL			6	3	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
36	14137100	Huỳnh Nhật Vy	DHI4NL			6,6	4	5,5	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 31. Số sinh viên vắng: 05

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Thị Hồng Diệp

 Lê Khắc Quý

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 02650



Trang 1/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16TD_04**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngân

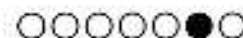
Lớp DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			9,5	6	2,5	5,1	00012345678900	000234567890
2	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			9	8	5	6,8	00012345678900	001234567890
3	16154009	Trương Lê Hoàng Bảo	DH16OT			10	6	3,5	5,8	00012345678900	001234567890
4	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			6	6	5,5	5,8	00012345678900	001234567890
5	16153005	Vô Thái Công	DH16CD			9	4	1	3,8	00012345678900	001234567890
6	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT			9	6	3	5,3	00012345678900	001234567890
7	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			8	4	0	3,0	00012345678900	001234567890
8	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			9	8	6,5	7,5	00012345678900	001234567890
9	16154022	Trần Văn Dũng	DH16OT			8	8	0,5	4,3	00012345678900	001234567890
10	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD			7	9	3	5,5	00012345678900	001234567890
11	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD			9	4	3,5	5,0	00012345678900	001234567890
12	16154023	Lê Đại Dương	DH16OT			8	6	4	5,5	00012345678900	001234567890
13	16154017	Trần Quang Đạt	DH16OT			7,3	5	6,5	6,3	00012345678900	001234567890
14	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD			8	6	2,5	4,8	00012345678900	001234567890
15	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD			9,5	5	0	3,6	00012345678900	001234567890



Mã nhận dạng 02650



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16TD_04**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

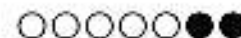
Lớp **DH16OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT	<i>A. Đồng</i>		8	7	2	4,8	0012345678910	0123456789
17	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD	<i>Đức</i>		7,5	7	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
18	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD	<i>C. Giang</i>		8	7	4	5,8	0012345678910	0123456789
19	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC	<i>Đ. Hải</i>		9	7	3	5,5	0012345678910	0123456789
20	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD	<i>N. Hải</i>		6	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
21	16138029	Lê Nhật Hào	DH16TD	<i>L. Hào</i>		8	7	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
22	16154027	Ngô Trần Nhật Hào	DH16OT	<i>N. Hào</i>		8,5	6	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
23	16154028	Trần Nhật Hào	DH16OT	<i>T. Hào</i>		8	5	3	4,8	0012345678910	0123456789
24	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD	<i>N. Hào</i>		8,8	8	2	5,2	0012345678910	0123456789
25	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD	<i>L. Hiệp</i>		6	3	3	3,8	0012345678910	0123456789
26	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD	<i>N. Hiệp</i>		10	8	5,5	7,3	0012345678910	0123456789
27	16153027	Hàn Tấn Hiếu	DH16CD	<i>H. Hiếu</i>		5	6	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
28	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD	<i>P. Hùng</i>		9	5	4,5	6,8	0012345678910	0123456789
29	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT	<i>C. Huy</i>		7,8	8	2	5,0	0012345678910	0123456789
30	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT	<i>H. Huy</i>		10	6	2,5	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02650



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DHI6TD_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

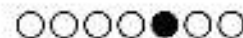
Lớp DHI6OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ3 25%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16154047	Lý Gia Huy	DHI6OT	<i>Huy</i>		8	6	0	3,5	0012345678910	0123456789
32	16154048	Nguyễn Phú Huy	DHI6OT	<i>Huy</i>		7,5	5	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
33	16154049	Nông Đình Huy	DHI6OT	<i>Huy</i>		7,5	7	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
34	16154050	Trần Quang Huy	DHI6OT	<i>Huy</i>		8,5	6	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
35	16153039	Đặng Huỳnh	DHI6CD	<i>Huỳnh</i>		7	9	6	7,0	0012345678910	0123456789
36	16153041	Phạm Quốc Khải	DHI6CD	<i>Khải</i>		7,5	6	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
37	16138046	Đỗ Trọng Khang	DHI6TD	<i>Khang</i>		9	6	0	3,8	0012345678910	0123456789
38	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DHI3OT	<i>Khang</i>		9,5	6	1,5	4,6	0012345678910	0123456789
39	16115076	Trần Duy Khánh	DHI6CH	<i>Khánh</i>		7	5	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
40	16138048	K'Pa Krim	DHI6TD	<i>Krim</i>		7,5	6	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
41	16138051	Dương Thị Mỹ Linh	DHI6TD	<i>Linh</i>		7,5	9	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
42	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DHI6CD	<i>Linh</i>		8,5	3	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
43	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DHI6CD	<i>Luận</i>		7,8	4	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
44	16115096	Ngô Văn Lương	DHI6CB	<i>Lương</i>						0012345678910	0123456789
45	16138056	Nguyễn Mai	DHI6TD	<i>Mai</i>		8,3	8	2	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02650



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16TD_04

Số Tin Cb 2

Ngày Thi

15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp

DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	16115101	Nguyễn Hữu Mạnh	DH16CB			7	6	1	3,8	0012345678910	0123456789
47	16115254	Mai Lê Quốc	DH16CB							0012345678910	0123456789
48	16115107	Phạm Bảo	DH16CB			8	7	1	4,3	0012345678910	0123456789
49	16138058	Phạm Động Hoài	DH16TD			8,3	9	2,5	5,6	0012345678910	0123456789
50	16138059	Vô Hoàng	DH16TD			8	8	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
51	16115112	Nguyễn Hữu Nghĩa	DH16CB			7	7	1	4,0	0012345678910	0123456789
52	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD			7,3	8	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
53	16154073	Bùi Duy	DH16OT			8	5	2	4,3	0012345678910	0123456789
54	16138067	Trần Văn	DH16TD			9	8	4	6,3	0012345678910	0123456789
55	16154077	Trần Ngọc	DH16OT			7	5	4	5,0	0012345678910	0123456789
56	13334155	Nguyễn Tấn	CD13CI			7	0	1	2,3	0012345678910	0123456789
57	16138071	Trần Phước	DH16TD			5	6	5	5,3	0012345678910	0123456789
58	13137119	Nguyễn Hải	DH13NL			8,5	6	2	4,6	0012345678910	0123456789
59	16138073	Nguyễn Ngọc	DH16TD			9	7	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
60	14154049	Hoàng Ngọc	DH14OT			7	9	3,0	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02650



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH16TD_04

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

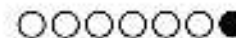
Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 35%	D2 25%	D Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD			8	6	0,5	3,8	00012345678910	0123456789
62	16115159	Nguyễn Tâm	DH16GB			7	9	1	4,5	00012345678910	0123456789
63	16154095	Vân Công	DH16OT			6	6	2	4,0	00012345678910	0123456789
64	16138081	Đặng Anh	DH16TD			10	7	4	6,3	00012345678910	0123456789
65	16138083	Trần Nguyễn Quốc	DH16TD			9	7	4,5	6,3	00012345678910	0123456789
66	16115245	Đoàn Minh	DH16CB			6,5	8	1,5	4,4	00012345678910	0123456789
67	14118292	Nguyễn Tấn	DH14CK			8,5	6	2	4,6	00012345678910	0123456789
68	16115193	Nguyễn Tuấn	DH16GB			7	8	1	4,3	00012345678910	0123456789
69	13154201	Trần Anh	DH13OT							00012345678910	0123456789
70	16154107	Trần Quang	DH16OT			7	8	1	4,3	00012345678910	0123456789
71	16154108	Nguyễn Hoàng	DH16OT			8	6	0	3,5	00012345678910	0123456789
72	16115198	Nguyễn Thanh	DH16GB			8,5	7	3	5,4	00012345678910	0123456789
73	13118064	Nguyễn Văn	DH13CK			8	7	2	4,8	00012345678910	0123456789
74	16115201	Vũ Mai	DH16GB							00012345678910	0123456789
75	15118135	Bùi Nhật	DH15CC			7,5	8	4	5,9	00012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CC_05

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

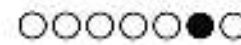
Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL			9	5	1	4,0	0012345678910	0123456789
2	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			8	5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
3	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			8	4	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
4	13154006	Hoàng Minh Chương	DH13OT			8	5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
5	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			8	4	3	4,5	0012345678910	0123456789
6	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD			7	4	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			8	7	3	5,3	0012345678910	0123456789
8	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			5	4	5,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	15154019	Vũ Duy Hà	DH15OT			8	5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
10	15138024	Trần Như Hiền	DH15TD			9	7	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
11	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD			8	7	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
12	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			6	4	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
13	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			7	8	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
14	15118037	Nguyễn Công Hòa	DH15CK			5	6	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
15	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC			9	4	0,5	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02645



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CC_05

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

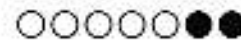
Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D3 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			6	4	1	3,0	001234567890	0123456789
17	15137032	Nguyễn Bách Khoa	DH15NL			8	4	4,5	5,3	001234567890	0123456789
18	13137080	Lê Thành Khôi	DH13NL			7	9	9,5	4,3	001234567890	0123456789
19	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD			9	2	1	3,3	001234567890	0123456789
20	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT			9	4	2	4,3	001234567890	0123456789
21	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC			6	4	3	4,0	001234567890	0123456789
22	15154033	Nguyễn Thành Nam	DH15OT							001234567890	0123456789
23	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK			8	5	3	4,8	001234567890	0123456789
24	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC			8	5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
25	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT			8	9	3	5,8	001234567890	0123456789
26	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			8	4	4	5,0	001234567890	0123456789
27	15115124	Nguyễn Minh Phụng	DH15GB			8	4	2	4,0	001234567890	0123456789
28	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			6	6	4,5	5,3	001234567890	0123456789
29	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DH15TD			8	7	2	4,8	001234567890	0123456789
30	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			8	3	0,5	3,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02645



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CC_05

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp DH140T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D. Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14154139	Lê Tấn Tài	DH140T			5	4	0	2,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			8	5	4	5,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15154055	Lưu Thanh Thiện	DH150T			8	4	8	7,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH150T			8	4	3	4,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	14154057	Ôn Hou Thu	DH140T			6	4	3,5	4,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD			0	8	4	4,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			9	4	5,5	6,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15115168	Nguyễn Phước Tinh	DH15CB	✓						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	15118108	Lê Trung	DH15CC			8	5	3,5	5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15118115	Vô Minh Trí	DH15CK			9	8	7,5	8,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	14118081	Lê Ngọc Đăng Trình	DH14CK			5	5	4,5	4,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			9	4	4	5,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15154063	Hồ Nhật Trường	DH150T			5	4	6	5,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14137006	Triệu Kìm Tú	DH14NL			8	9	3,5	6,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			8	5	4	5,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02645



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CC_05

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK			9	4	3	4,8	0012345678910	0123456789
47	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT			8	4	4	5,0	0012345678910	0123456789
48	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			9	4	4	5,3	0012345678910	0123456789
49	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			5	5	4	5,5	0012345678910	0123456789
50	14137091	Phạm Đức Tuyên	DH14NL			6	9	5	6,3	0012345678910	0123456789
51	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK			9	9	15	5,3	0012345678910	0123456789

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Số sinh viên dự thi: 49. Số sinh viên vắng: 2.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đặng Trung Nam
Cao Đức Lợi

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Trần Thị Kim Ngà



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CK_07

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên:Trần Thị Kim Nga

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trung 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			8	4	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
2	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			7,9	4	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
3	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC	✓						0012345678910	0123456789
4	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			6,3	9	3	5,3	0012345678910	0123456789
5	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			7,6	9	4,5	6,4	0012345678910	0123456789
6	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK			7,6	4	1	3,4	0012345678910	0123456789
7	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			8,6	9	5	6,9	0012345678910	0123456789
8	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK			7,9	4	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
9	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			7,6	4	4	4,9	0012345678910	0123456789
10	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			7,3	7	4	5,6	0012345678910	0123456789
11	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC	✓						0012345678910	0123456789
12	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			6,9	4	3	4,2	0012345678910	0123456789
13	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK			8	4	3	4,5	0012345678910	0123456789
14	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK	✓						0012345678910	0123456789
15	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			7,9	4	4	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02646



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CK_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK			8,3	4	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
17	15115037	Nguyễn Thị Minh Hải	DH15GB			7,9	4	4	5,0	0012345678910	0123456789
18	15118031	Nguyễn Bình Phương Hậu	DH15CK			7,0	4	2	3,8	0012345678910	0123456789
19	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT							0012345678910	0123456789
20	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK			7,9	4	2	4,0	0012345678910	0123456789
21	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL							0012345678910	0123456789
22	15118041	Dỗ Quang Huy	DH15CK			7,6	4	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
23	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT			7,9	9	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
24	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			7,3	9	2	5,1	0012345678910	0123456789
25	15118046	Trần Văn Khôi	DH15CK			7,6	4	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
26	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			8,3	4	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
27	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			8,7	4	5	5,7	0012345678910	0123456789
28	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK			8,3	4	5	5,6	0012345678910	0123456789
29	15118058	Nguyễn Thành Luân	DH15CK			7,6	9	3	5,7	0012345678910	0123456789
30	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK			7,2	4	3	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02646



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CK_07**

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Ngà

Lớp **DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			6,9	9	0	4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK	✓						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15118069	Vô Văn Nam	DH15CK			7,9	9	4,5	6,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK			7,9	9	1,5	5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15115108	Vũ Thị Bích Ngọc	DH15GB			7,9	4	2,5	4,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15115119	Nguyễn Văn Nhơn	DH15GB			7,9	4	2	4,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK			7,9	9	1,5	5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15115129	Lê Anh Phương	DH15GB	✓						●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL			7,6	4	3	4,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK			7,9	9	1,5	5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15118086	K* San	DH15CK			7,6	8	2,5	5,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			8,4	4	4	5,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15118089	Lê Văn Song	DH15CK			6,9	4	2,5	4,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			5,8	4	1	3,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	15118090	Huỳnh Quốc Tài	DH15CK			7,9	9	3	5,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02646



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm KỸ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CK_07

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

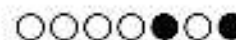
Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trung 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK			7,9	9	3,5	6,0	00012345678910	0123456789
47	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD			0	4	3,5	2,8	00012345678910	0123456789
48	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK			7,9	4	5	5,5	00012345678910	0123456789
49	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD							00012345678910	0123456789
50	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK			7,9	9	3	5,7	00012345678910	0123456789
51	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK			8,3	9	6	7,3	00012345678910	0123456789
52	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK			6,7	8	3,5	5,4	00012345678910	0123456789
53	15118109	Lưu Ngọc Anh Toàn	DH15CK			8,3	4	3,5	4,8	00012345678910	0123456789
54	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			8	4	3,5	4,8	00012345678910	0123456789
55	15118110	Vũ Công Tuấn	DH15CK			7,9	4	4	5,0	00012345678910	0123456789
56	15118112	Nguyễn Hữu Trần	DH15CC			7,9	9	3,5	6,0	00012345678910	0123456789
57	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK							00012345678910	0123456789
58	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT							00012345678910	0123456789
59	15137063	Nguyễn Phước Trịnh	DH15NL							00012345678910	0123456789
60	15118120	Trần Nguyễn Quốc Trung	DH15CK			7,6	4	3	4,4	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02646



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Kỹ thuật điện tử (207110) - 001_DH15CK_07

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 15/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trần Thị Kim Nga

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			7,3	4	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
62	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK			7,6	4	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
63	15118123	Trần Thanh Tú	DH15CK			6,9	4	4	4,7	0012345678910	0123456789
64	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK			8,3	4	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
65	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT			8	9	0	4,3	0012345678910	0123456789
66	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			6,9	4	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
67	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC			8	4	7	6,5	0012345678910	0123456789
68	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			7,2	4	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
69	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			7,6	4	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
70	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC			7,6	4	3	4,4	0012345678910	0123456789
71	15118136	Đỗ Văn Vương	DH15CK			7,9	4	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
72	15115203	Huỳnh Thị Thủy	DH15GB			7,9	4	5	5,5	0012345678910	0123456789
73	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			7,6	4	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
74	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK			7,9	4	3	4,5	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 001_DH16CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16115003	Vũ Xuân An	DH16CB				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
2	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC				2.4	6.7	3.1	0012345678910	0123456789
3	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD				2	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
4	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD				2.4	1.8	4.2	0012345678910	0123456789
5	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
6	16154009	Trương Lê Hoàng Bảo	DH16OT				2.4	4.6	7.0	0012345678910	0123456789
7	16115012	Vũ Thị Ngọc Bình	DH16CB				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
8	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL				3	5	8.0	0012345678910	0123456789
9	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD				2.5	4	6.5	0012345678910	0123456789
10	16153005	Vũ Thái Công	DH16CD				1.5	1.1	2.6	0012345678910	0123456789
11	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL				2.7	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
12	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC				3	6	9.0	0012345678910	0123456789
13	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL				1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
14	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD				1.5	0.5	2.0	0012345678910	0123456789
15	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD				3	1	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02661



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH16CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC				3	1.5	4.5	0012345678910	0123456789
17	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC				1.8	0.7	2.5	0012345678910	0123456789
18	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
19	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC				1.2	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
20	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT				1	0	1.0	0012345678910	0123456789
21	16114346	Trần Thị Hồng Hạ	DH16GN				1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
22	16153020	Lê Kim Hải	DH16CD				Coin	1.6	5.6	0012345678910	0123456789
23	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC				1	4.6	5.6	0012345678910	0123456789
24	16118047	Nguyễn Văn Hạnh	DH16CK				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
25	16115042	Trần Mỹ Hạnh	DH16CB				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
26	16154028	Trần Nhật Hào	DH16OT				1.2	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
27	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK				0.6	0.4	1.0	0012345678910	0123456789
28	14115186	Trần Văn Hiền	DH14CB				2.4	3.9	6.3	0012345678910	0123456789
29	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD				1.8	0.4	2.2	0012345678910	0123456789
30	14114362	Doãn Trung Hiếu	DH14CB				1	0	1.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02661



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_DH16CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			1	1.5	0	0.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD				2.1	2.5	4.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	16154037	Trương Đức Hiếu	DH16OT				3	2.8	5.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK				6.6	4.6	5.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT				3	6.7	9.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT			1	1.5	3.5	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC			1	3	5.6	9.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	16154043	Trần Tấn Hưng	DH16OT				3	6.3	9.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	16115065	Nguyễn Thị Kim Hương	DH16CB				1.2	3.5	4.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC				1.2	2.8	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 38 Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích
Trương Quang Trường



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DHI6CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DHI6CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 ± %	D2 ± %	D Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16153041	Phạm Quốc Khải	DHI6CD	<i>Khải</i>			1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
2	16118071	Cao Hoàng Khang	DHI6CC	<i>Thao</i>			1.2	1.8	3.0	0012345678910	0123456789
3	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DHI3OT	<i>Ko</i>			1	1.4	2.4	0012345678910	0123456789
4	16118074	Dỗ Minh Khôi	DHI6CC	<i>Khôi</i>		1	1.8	2.8	5.6	0012345678910	0123456789
5	16115233	Phan Thị Diễm Kiều	DHI6CB	<i>Kieu</i>		1	3	2.5	6.5	0012345678910	0123456789
6	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DHI6CC	<i>Lâm</i>			1.2	2.1	3.3	0012345678910	0123456789
7	16118080	Bùi Lâm	DHI6CC	<i>Lâm</i>			2.1	4.2	6.3	0012345678910	0123456789
8	16115088	Lâm Thị Khánh Linh	DHI6CB	<i>Linh</i>			2.7	5.3	8.0	0012345678910	0123456789
9	15154030	Nguyễn Duy Linh	DHI5OT	<i>Linh</i>			2.7	3.9	6.6	0012345678910	0123456789
10	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DHI6NL	<i>Linh</i>			3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
11	14115331	Trần Thị Yến	DHI5CB	<i>Yen</i>			1	0.4	1.4	0012345678910	0123456789
12	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DHI6CD	<i>Linh</i>			2.1	3.2	5.3	0012345678910	0123456789
13	16118086	Nguyễn Đại Lộc	DHI6CC	<i>Lô</i>			1.2	0.4	1.6	0012345678910	0123456789
14	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DHI6CC	<i>Lô</i>			2.1	3.9	6.0	0012345678910	0123456789
15	16153056	Dặng Toàn Mỹ	DHI6CD	<i>Mỹ</i>			2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02662



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Sứ mệnh vật liệu (207113) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trương Quang Trường

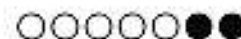
Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14114397	Nguyễn Đức Nam	DH14CB	<i>Nam</i>			1	3.2	4.2	0012345678910	0123456789
17	14137004	Nguyễn Hoài	DH14NL				0.5	thi		0012345678910	0123456789
18	16115113	Nguyễn Kiều	DH16GN	<i>Kiều</i>			1.2	0	1.2	0012345678910	0123456789
19	14118207	Nguyễn Lê	DH14CK	<i>Ng</i>				3.5	3.5	0012345678910	0123456789
20	16154069	Nguyễn Ngọc	DH16OT	<i>Ng</i>		1	2.1	1.4	4.5	0012345678910	0123456789
21	16115117	Lê Thị Tuyết	DH16CB	<i>Thi</i>			3	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
22	16115126	Huỳnh Thị Cẩm	DH16CB	<i>Thi</i>		1	2.8	6.3	10.0	0012345678910	0123456789
23	16114271	Phạm Quỳnh	DH16GN	<i>Ph</i>			1.5	3.5	4.0	0012345678910	0123456789
24	16118115	Ngô Thanh	DH16CK	<i>Thi</i>			1.3	3.2	4.5	0012345678910	0123456789
25	16118116	Nguyễn Thanh	DH16CC	<i>Thi</i>		1	1.5	2.5	5.0	0012345678910	0123456789
26	16137061	Cao Minh	DH16NL	<i>Thi</i>			2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
27	16118119	Đinh Đình Hoài	DH16CC	<i>Thi</i>			1	0	1.0	0012345678910	0123456789
28	16154073	Bùi Duy	DH16OT	<i>Thi</i>			3	6	9.0	0012345678910	0123456789
29	16118122	Ngô Văn Nu	DH16CC	<i>Thi</i>			1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
30	14115358	Vân Thị Thủy	DH14CB	<i>Thi</i>			1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02662



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Sứ bền vật liệu (207113) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16115239	Nguyễn Nhật Quang	DH16CB				3	0	3.0	0012345678910	0123456789
32	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD				1.2	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
33	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK				1	0	0	0012345678910	0123456789
34	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI			0.5	1	0	1.5	0012345678910	0123456789
35	16118128	Lê Đức Quý	DH16CC				3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789
36	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC				2.1	3.9	6.0	0012345678910	0123456789
37	14154044	Diêu Quyết	DH14OT				1.5	1.8	3.3	0012345678910	0123456789
38	13115092	Ngô Tấn Sĩ	DH13CB				1	0	1.0	0012345678910	0123456789
39	16154084	Trần Khắc Sinh	DH16OT			1	2.3	6.7	10.0	0012345678910	0123456789
40	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC				2.1	4.6	6.7	0012345678910	0123456789
41	16118134	Nguyễn Duy Sơn	DH16CC				2.5	3.5	6.0	0012345678910	0123456789
42	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD				2.1	4.2	6.3	0012345678910	0123456789
43	16118138	Nguyễn Anh Tài	DH16CK				1.2	1	1	0012345678910	0123456789
44	16118141	Lưu Văn Tấn	DH16CK				1.3	0.7	2.0	0012345678910	0123456789
45	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT				3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02662



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Sứ mệnh vật liệu (207113) - 002_DH16CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trương Quang Trường

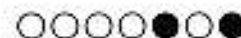
Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD				2,4	2,2	5,6	00012345678910	0123456789
47	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT				2,7	2,1	4,8	00012345678910	0123456789
48	16153082	Tô Thanh	DH16CD				1,2	4,2	5,4	00012345678910	0123456789
49	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT				1,5	1,8	3,3	00012345678910	0123456789
50	16153083	Vô Trí Thanh	DH16CD				3	2,8	5,8	00012345678910	0123456789
51	16115163	Trịnh Thị Thảo	DH16CB			1	1,3	6,7	9,0	00012345678910	0123456789
52	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL				3	1	4,0	00012345678910	0123456789
53	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			1	1,2	6	8,2	00012345678910	0123456789
54	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL				1,3	3,2	4,5	00012345678910	0123456789
55	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL			1	1,2	7	9,2	00012345678910	0123456789
56	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD				3	2,5	5,5	00012345678910	0123456789
57	16118152	Đặng Thị Hòa Thuận	DH16CC				1,2	1,8	3,0	00012345678910	0123456789
58	16115177	Hồ Thị Thúy Tiên	DH16CB				2,7	2,8	5,5	00012345678910	0123456789
59	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD				1	0,4	1,4	00012345678910	0123456789
60	16118159	Lê Văn Tinh	DH16CC				3	6,7	9,7	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02662



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Sứ mệnh vật liệu (207113) - 002_DH16CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

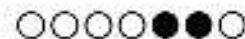
DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	16118160	Lê Bà	Toán	<i>LM</i>			2.2	6.3	8.5	00012345678910	0123456789
62	16115183	Lương Minh	Trí				Cấm thi			00012345678910	0123456789
63	16115184	Hà Thị Lệ	Trình	<i>TL</i>			2.7	4.6	7.3	00012345678910	0123456789
64	16153096	Huỳnh Văn	Trọng	<i>TV</i>			3	6.7	9.7	00012345678910	0123456789
65	13153245	Nguyễn Tiến	Trung				1.2	-	-	00012345678910	0123456789
66	14154063	Võ Đình	Trường	<i>VD</i>			1.5	3.5	5.0	00012345678910	0123456789
67	14153139	Lê Văn	Trường	<i>LV</i>			2.7	0	2.7	00012345678910	0123456789
68	16153100	Lê Anh	Tuấn	<i>LA</i>			2.4	2.1	4.5	00012345678910	0123456789
69	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn	<i>NA</i>			3	1.1	4.1	00012345678910	0123456789
70	16153102	Nguyễn Minh	Tuấn	<i>NM</i>			1.2	1.4	2.6	00012345678910	0123456789
71	14137092	Cao Tấn	Tùng	<i>CT</i>			1	0.4	1.4	00012345678910	0123456789
72	16118170	Võ	Tuông	<i>V</i>			1.2	6.2	5.4	00012345678910	0123456789
73	14153060	Nguyễn Công	Tuông	<i>NC</i>			1	0.7	1.7	00012345678910	0123456789
74	16118171	Đoàn Đình	Văn	<i>DD</i>			1.2	0	1.2	00012345678910	0123456789
75	14115418	Đặng Trọng Quốc	Việt				Cấm thi			00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02662



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Sứ mệnh vật liệu (207113) - 002_DHI16CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DHI16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
76	16153107	Lâm Văn Vinh	DHI16CD				1.2	04	1.6	00002345678910	0123456789
77	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DHI16CD				1.3	4.2	5.5	00012345678910	0123456789
78	14137097	Lê Hoàng Vũ	DHI14NL				1.9	2.1	4.0	00012345678910	0123456789
79	15115201	Nguyễn Hoàng Vũ	DHI15GN				1.2	2.8	4.0	00012345678910	0123456789
80	16137105	Nguyễn Hữu Anh	DHI16NL				1.2	0	1.2	00002345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 76. Số sinh viên vắng: 5.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kép

0003

Lê Khắc Quý

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Trương Quang Trường

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001 DHI6NL 03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD302

Giảng viên: Trương Quang Trường

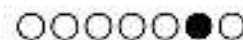
Lớp **DH16CB (Chế biến lâm sản)**

Trans 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16115004	Hà Thị Lan	Anh	DH16CB			1.8	6.3	8.1	001234567890	0123456789
2	16115006	Phan Đức	Ánh	DH16CB			3	2.1	5.1	001234567890	0123456789
3	16118014	Lê Văn	Bảo	DH16CK			2.7	4.9	7.6	001234567890	0123456789
4	14115285	Nguyễn Phúc	Bảo	DH14GN			3	4	7.0	001234567890	0123456789
5	15154005	Phạm Quốc	Bảo	DH15OT			3	7	10.0	001234567890	0123456789
6	16137003	Lê Văn	Bình	DH16NL			3	2.1	5.1	001234567890	0123456789
7	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	Bình	DH15CD			3	2.5	5.5	001234567890	0123456789
8	16115009	Nguyễn Thị	Bình	DH16CB			3	5	8.0	001234567890	0123456789
9	16115013	Nguyễn Thị Thùy	Cam	DH16CB			3	5.3	8.3	001234567890	0123456789
10	16137005	Quách Đình	Cam	DH16NL			2.7	2.8	5.5	001234567890	0123456789
11	13154005	Lưu Công	Chi	DH13OT			2.7	1.4	4.1	001234567890	0123456789
12	16115015	Huỳnh Thiên	Chiêu	DH16CB		1	3	3.2	7.2	001234567890	0123456789
13	16118023	Huỳnh Trung	Cường	DH16CK			3	3.2	6.2	001234567890	0123456789
14	16137008	Nguyễn Tuấn	Cường	DH16NL			1.8	2.8	4.6	001234567890	0123456789
15	16115021	Lê Quốc	Danh	DH16CB			3	2.1	5.1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02663



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Sứ mệnh vật liệu (207113) - 001_DHI6NL_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

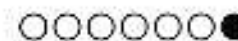
Phòng Thi RD302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DHI6OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16154022	Trần Văn Dũng	DHI6OT	<i>[Signature]</i>			1.2	1.8	3.0	00012345678910	0123456789
17	16153016	Đặng Quốc Duy	DHI6CD	<i>[Signature]</i>		1	2.7	5.6	9.3	00012345678910	0123456789
18	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DHI6NL	<i>[Signature]</i>			3	4	7.0	00012345678910	0123456789
19	16137022	Nguyễn Trần Duy	DHI6NL	<i>[Signature]</i>			1.7	3.3	6.0	00012345678910	0123456789
20	16115035	Lê Thị Mỹ Duyên	DHI6CB	<i>[Signature]</i>		1	3	4.6	8.6	00012345678910	0123456789
21	16154023	Lê Đại Dương	DHI6OT	<i>[Signature]</i>			1.8	3.9	5.7	00012345678910	0123456789
22	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DHI6NL	<i>[Signature]</i>			3	0.4	3.4	00012345678910	0123456789
23	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DHI4CC	<i>[Signature]</i>			2	2.1	4.1	00012345678910	0123456789
24	16137013	Phan Quốc Đạt	DHI6NL	<i>[Signature]</i>			3	2.8	5.8	00012345678910	0123456789
25	16115027	Trần Quốc Đạt	DHI6GN	<i>[Signature]</i>			2.5	3.5	6.0	00012345678910	0123456789
26	16118029	Văn Phú Đạt	DHI6CK	<i>[Signature]</i>			1.9	2.1	4.0	00012345678910	0123456789
27	14154013	Trương Nhật Điện	DHI4OT	<i>[Signature]</i>			1.2	0.7	1.9	00012345678910	0123456789
28	14137028	Nguyễn Văn Đông	DHI4NL	<i>[Signature]</i>			3	4.6	7.6	00012345678910	0123456789
29	16154019	Cao Văn Đông	DHI6OT	<i>[Signature]</i>			1.2	2.1	3.3	00012345678910	0123456789
30	16115032	Đỗ Hồng Đức	DHI6CB	<i>[Signature]</i>			3	5.6	8.6	00012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Sứ bản vật liệu (207113) - 002_DH16NL_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Trương Quang Trường

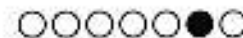
Lớp DH16OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT	<i>Phy</i>			1.2	3.2	4.4	0012345678910	0123456789
2	16137023	Vô Khắc Ghi	DH16NL	<i>Ghi</i>			2.7	5.3	8.0	0012345678910	0123456789
3	16137024	Tự Trường	DH16NL	<i>Truong</i>			2.1	5.6	7.7	0012345678910	0123456789
4	16115227	Lê Thị Mai	DH16GN	<i>hac</i>			3	1.4	4.4	0012345678910	0123456789
5	16115040	Vô Thị Thu	DH16CB	<i>Ths</i>		1	1.8	6.3	9.1	0012345678910	0123456789
6	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT	<i>Han</i>			3	7	10.0	0012345678910	0123456789
7	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK	<i>Hau</i>			3	6	9.0	0012345678910	0123456789
8	15115049	Nguyễn Đình Hiếu	DH15CB	<i>Hieu</i>			1.5	0	1.5	0012345678910	0123456789
9	16137030	Vô Trung Hiếu	DH16NL	<i>Hu</i>			3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
10	15115057	Hoàng Tăng Hoài	DH15CB	<i>Hu</i>			2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
11	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL	<i>Hu</i>			1.2	1.1	2.3	0012345678910	0123456789
12	16137032	Cao Nguyễn Gia Phương	DH16NL	<i>Phuong</i>			2.7	4.6	7.3	0012345678910	0123456789
13	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL	<i>Huc</i>			2.1	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
14	16137036	Huỳnh Quang Huy	DH16NL		✓		✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
15	13115044	Lương Ngọc Huy	DH13GN	<i>Hu</i>			1.5	0.4	1.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02664



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH16NL_03

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: CT101

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp: DH16NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL			1	1.5	4	6.5	0012345678910	0123456789
17	16115069	Nguyễn Gia Huy	DH16CB				2.1	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
18	16154050	Trần Quang Huy	DH16OT				3	3	6.0	0012345678910	0123456789
19	16153039	Dặng Huynh	DH16CD				1.2	3.9	5.1	0012345678910	0123456789
20	16115074	Nguyễn Bá Khắc Kha	DH16CB				3	7	10.0	0012345678910	0123456789
21	16137039	Lê Hoàng Khang	DH16NL				3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
22	16118072	Phạm Minh Khoa	DH16CC				2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789
23	13137079	Phan Đông Tuấn	DH13NL			1	2.7	1	4.7	0012345678910	0123456789
24	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL				3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789
25	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL				1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
26	15154028	Trịnh Ngọc Anh	DH15OT		✓		Cấm thi			0012345678910	0123456789
27	16115081	Dặng Thị Thuận	DH16GN				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
28	16115082	Tiểu Thị	DH16GB				1.2	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
29	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC		✓		Cấm thi			0012345678910	0123456789
30	16137046	Lê Quang Anh	DH16NL				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02664



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH16NL_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

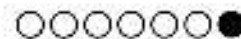
Phòng Thi CT101

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC				1.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
32	16115094	Võ Thị Mỹ Long	DH16GB				1.5	0.8	2.2	0012345678910	0123456789
33	13118201	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CK				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
34	14115066	Nguyễn Ngọc Lợi	DH14GN			0.5	3	2.5	6.0	0012345678910	0123456789
35	16118095	Nguyễn Thành Luyến	DH16CK				3	1.8	5.8	0012345678910	0123456789
36	16115254	Mai Lê Quốc Minh	DH16CB		✓		1.5	-	-	0012345678910	0123456789
37	13115072	Hoàng Triệu Nam	DH13GN				1.5	1.1	2.6	0012345678910	0123456789
38	16115107	Phạm Bảo Nam	DH16CB				1.8	0	1.8	0012345678910	0123456789
39	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC				1.8	3.5	5.3	0012345678910	0123456789
40	16118104	Đào Xuân Nguyên	DH16CK				1.2	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
41	16115115	Trần Thị Ánh Nguyệt	DH16CB				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
42	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC				1.5	0.4	1.9	0012345678910	0123456789
43	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC				2.4	1.8	4.2	0012345678910	0123456789
44	13137100	Đinh Mui Nhật	DH13NL				✓	1.1	1.1	0012345678910	0123456789
45	14137053	Lê Minh Nhật	DH14NL				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 003_DH16NL_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH13GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D3 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115326	Diệp Quang Phú	DH13GB				1.5	0.7	2.2	0012345678910	0123456789
2	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL				3	0	3.0	0012345678910	0123456789
3	16154077	Trần Ngọc Quế	DH16OT				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
4	12115097	Trần Mạnh Quyết	DH12GN				Cấm thi			0012345678910	0123456789
5	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
6	16137066	Đông Ngọc Sơn	DH16NL				1.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789
7	16115241	Trần Thị Kiều	DH16GN				1.9	4.6	6.5	0012345678910	0123456789
8	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT				2.8	0.4	3.1	0012345678910	0123456789
9	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL				3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
10	14114399	Võ Nguyễn Huy	DH14GN				3	1.4	4.4	0012345678910	0123456789
11	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT				1.2	0.8	1.9	0012345678910	0123456789
12	16137072	Nguyễn Việt Thanh	DH16NL					3.2	3.2	0012345678910	0123456789
13	13153023	Tăng Thành Tháo	DH13CD				Cấm thi			0012345678910	0123456789
14	14154053	Võ Hoàng Thắng	DH14OT				1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
15	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL				3	8	10.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02665



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Sứ bản vật liệu (207113) - 003_DHI6NL_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

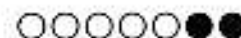
Lớp DHI4CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lờ
16	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DHI4CC				3	1.4	4.4	0012345678910	0123456789
17	13115393	Lê Văn Thịnh	DHI3CB				2.1	0.7	2.8	0012345678910	0123456789
18	14154057	Ôn Hou Thu	DHI4OT				1.2	2.1	3.3	0012345678910	0123456789
19	16115168	Phạm Thị Thu	DHI6GN				2.1	2.8	4.9	0012345678910	0123456789
20	16115172	Đào Thị Thủy	DHI6GB				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
21	13115116	Nguyễn Hoàng Thương	DHI3GB				2.1	0	2.1	0012345678910	0123456789
22	16137082	Dương Anh Tiến	DHI6NL				1.8	6	7.8	0012345678910	0123456789
23	16118154	Lê Xuân Tiến	DHI6CK				3	3.2	6.2	0012345678910	0123456789
24	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DHI6CD				3	1.4	4.4	0012345678910	0123456789
25	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DHI6CD				1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
26	13115422	Lê Văn Công Toại	DHI3CB				2.4	0.7	3.1	0012345678910	0123456789
27	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DHI6NL				2.4	0	2.4	0012345678910	0123456789
28	13153240	Nguyễn Công Triển	DHI3CD				3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
29	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI				1.8	-	-	0012345678910	0123456789
30	16115190	Phan Ngọc Bảo Trúc	DHI6CB				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02665



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 003_DHI6NL_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

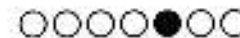
Lớp DHI6NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm l8
31	16137088	Trần Bảo Trung	DHI6NL			Cấm thi				0012345678910	0123456789
32	16137089	Mai Trung Trường	DHI6NL			2.1	4.2	6.3		0012345678910	0123456789
33	13137154	Nguyễn Văn Trường	DHI3NL			Cấm thi				0012345678910	0123456789
34	16118165	Đinh Văn Tú	DHI6CK			3	3.5	6.5		0012345678910	0123456789
35	16137093	Lê Văn Tuấn	DHI6NL			2.5	2.5	5.0		0012345678910	0123456789
36	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			0.5	3	0.5	4.0	0012345678910	0123456789
37	16137095	Nguyễn Văn Tuấn	DHI6NL			1.5	7	8.5		0012345678910	0123456789
38	16154107	Trần Quang Tuấn	DHI6OT			1.2	2.1	3.3		0012345678910	0123456789
39	16137097	Trần Quốc Tuấn	DHI6NL			2.1	4.5	7.0		0012345678910	0123456789
40	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DHI6NL			3	5.6	8.6		0012345678910	0123456789
41	16115199	Phạm Thị Ngọc Tuyền	DHI6CB			3	3.5	6.5		0012345678910	0123456789
42	16137101	Phạm Văn Vĩ	DHI6NL			1.8	0.4	2.2		0012345678910	0123456789
43	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DHI6NL			3	2.1	5.1		0012345678910	0123456789
44	13115475	Trương Xuân Vinh	DHI3CB			2.4	0	2.4		0012345678910	0123456789
45	16115207	Huỳnh Thị Kim Vũ	DHI6GB			3	1	4.0		0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02665



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 003_DH16NL_03

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp: DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC				1.2	-	-	0012345678910	0123456789
47	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC	Vũ			2.8	2.8	5.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 44. Số sinh viên vắng: 6.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Nguyễn Văn Tuấn Anh



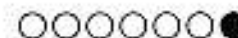
PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02658



Trang 1/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 001_DH15GB_06

Số Tin Cb 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Trương Quang Trường

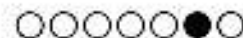
Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D.Số 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL				3	1	4.0	001234567890	0123456789
2	15137002	Vô Trường An	DH15NL				2.4	—	—	001234567890	0123456789
3	15115004	Lưu Tuyết Anh	DH15GB				1.3	4.2	5.5	001234567890	0123456789
4	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			1	3	3.2	7.2	001234567890	0123456789
5	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD				1.2	1.4	2.6	001234567890	0123456789
6	15115011	Lê Thị Nhà Ca	DH15GN				3	1.4	4.4	001234567890	0123456789
7	15115014	Nguyễn Quốc Cường	DH15GN				3	1.4	4.4	001234567890	0123456789
8	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK			0.5	3	4.2	7.7	001234567890	0123456789
9	15115016	Trương Mai Cường	DH15GB				1.5	—	—	001234567890	0123456789
10	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			1	1.5	2.8	5.3	001234567890	0123456789
11	14115170	Nguyễn Thành Danh	DH14GN				1.8	0.7	2.5	001234567890	0123456789
12	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK				1.2	3.9	5.1	001234567890	0123456789
13	15115017	Trương Nguyễn Thái Danh	DH15GN				2.1	0.7	2.8	001234567890	0123456789
14	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK				3	2.8	5.8	001234567890	0123456789
15	14115292	Huỳnh Khương Duy	DH14CB				1.2	1.8	3.0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02658



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 001_DH15GB_06

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IB
16	15153013	Nguyễn Trọng Duy	DH15CD				3	8.5	6.5	0012345678910	0123456789
17	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL				1.5	0	1.5	0012345678910	0123456789
18	14115019	Nguyễn Thị Thanh Duyên	DH14CB				2.1	7	9.1	0012345678910	0123456789
19	15115025	Lê Nguyễn Thùy Dương	DH15GN				2.1	4.9	7.0	0012345678910	0123456789
20	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK				2.4	4.9	7.3	0012345678910	0123456789
21	15115021	Trần Tiến Đạt	DH15GN				3	8.5	6.5	0012345678910	0123456789
22	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD				1.5	1.1	2.6	0012345678910	0123456789
23	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			1	2.1	5.6	8.7	0012345678910	0123456789
24	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD			1	3	2.8	6.8	0012345678910	0123456789
25	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL				1.5	6.7	2.2	0012345678910	0123456789
26	15115032	Nguyễn Thanh Trúc	DH15GN				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
27	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC				3	4.2	7.1	0012345678910	0123456789
28	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			1	2.4	2.8	6.2	0012345678910	0123456789
29	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
30	14115312	Lê Văn Hiệp	DH14GN				2.7	0.4	3.1	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15GB_06

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15115051	Lê Thanh Hoa	DH15GN				2.1	3.2	5.3	0012345678910	0123456789
2	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL				3	-	-	0012345678910	0123456789
3	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD				1.4	5.6	7.0	0012345678910	0123456789
4	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL				1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
5	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL				1.8	2.8	4.6	0012345678910	0123456789
6	15115064	Nguyễn Phúc Hưng	DH15GN				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
7	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL				1.2	2.1	3.3	0012345678910	0123456789
8	15115065	Vũ Đình Hương	DH15GN				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
9	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
10	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL				2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
11	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC				1.2	-	-	0012345678910	0123456789
12	15153029	Phạm Duy Khánh	DH15CD				1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
13	15115074	Trần Thị Kim Lan	DH15GB				1.2	1.1	2.3	0012345678910	0123456789
14	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK				2.1	0	2.1	0012345678910	0123456789
15	15115078	Vũ Thị Thùy Liên	DH15GN				1.8	2.5	4.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02659



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Súc bền vật liệu (207113) - 002_DH15GB_06

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153011	Chu Văn Long	DH13CD				1.2	5.3	6.5	0012345678910	0123456789
17	12115208	Nguyễn Vương Long	DH12GN				1.2	—	—	0012345678910	0123456789
18	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC				1.2	1.4	2.6	0012345678910	0123456789
19	13115272	Nguyễn Thị Kim Luyến	DH13CB				can' thi	—	—	0012345678910	0123456789
20	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC				2.4	0	2.4	0012345678910	0123456789
21	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD	Nam			1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
22	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK				2.7	2.1	4.8	0012345678910	0123456789
23	15115098	Dương Thị Ngọc Ngân	DH15GN			1	1.2	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
24	15115102	Trần Bảo Ngân	DH15GN				1.2	7	8.2	0012345678910	0123456789
25	15115106	Dương Mộng Ngọc	DH15CB				2	2	4.0	0012345678910	0123456789
26	15115108	Vũ Thị Bích Ngọc	DH15GB				1.2	1.8	3.0	0012345678910	0123456789
27	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK				1.8	0.7	2.5	0012345678910	0123456789
28	13153164	Lưu Ngọc Nhân	DH13CD				2.7	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
29	13115315	Phạm Thị Huỳnh Như	DH13CB				can' thi	—	—	0012345678910	0123456789
30	14115450	Lê Thanh Phong	DH14CB				1.2	0	1.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02659



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 002_DH15GB_06

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL	Phong		1	1.2	4.9	7.1	00012345678910	0023456789
32	15115124	Nguyễn Minh Phụng	DH15GB				1.2	✓	✓	00012345678910	0023456789
33	15115125	Nguyễn Thị Mỹ	DH15GN	Phong			3	5.3	8.3	00012345678910	0023456789
34	15115126	Tạ Thị Yến	DH15GN	Phong			2.1	2.5	4.6	00012345678910	0023456789
35	15115127	Lê Nguyễn Vinh	DH15GN	Phong			3	2.8	5.8	00012345678910	0023456789
36	15115129	Lê Anh	DH15GB	Phong			2	2.1	4.1	00012345678910	0023456789
37	13115084	Nguyễn Hoàng	DH13GB				1.2	✓	✓	00012345678910	0023456789
38	12138127	Phan Thanh Quý	DH12TD			Cần thi			✓	00012345678910	0023456789
39	15115136	Đào Thị Quyên	DH15GB	Quyên			1.2	2.1	3.3	00012345678910	0023456789
40	15118086	K*	DH15CK	Sang			1.5	2.5	4.0	00012345678910	0023456789
41	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL	Sang			1.2	4.9	6.1	00012345678910	0023456789
42	15115138	Phạm Thị Thu	DH15GN	Sang			2.7	2.1	4.8	00012345678910	0023456789
43	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK	Sĩ			1.5	0.7	2.2	00012345678910	0023456789
44	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK	Sơn			1.2	1.8	3.0	00012345678910	0023456789
45	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL	Sơn			2.2	2.8	5.0	00012345678910	0023456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 003 DH15GB 06

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phong Thi PY400B

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Frame 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D.Số 70	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15137048	Nguyễn Đình Nhật	Tân	DH15NL			1.2	0.4	1.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	15115147	Phạm Trần Vĩnh	Thanh	DH15GN			1.5	4.2	5.7	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	13138195	Hà Đình	Thành	DH13TD			1.2	3.2	4.4	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	15115149	Đỗ Thị Thu	Thảo	DH15CB			1.2	0.7	1.9	○①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
5	15115151	Lâm Thị Thanh	Thảo	DH15CB			1.2	0.4	1.6	○①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
6	15115152	Ngô Thị Thu	Thảo	DH15GN			3	4	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14115237	Nguyễn Hiếu	Thảo	DH14GN			3	1.1	4.1	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14115239	Phạm Thị Thu	Thảo	DH14GN			1.8	1.1	2.9	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	15118094	Nguyễn Đoàn	Thắng	DH15CK			3	2.5	5.5	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	15115144	Quách Thế	Thắng	DH15CB			2.1	0	2.1	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118259	Nguyễn Gia	Thế	DH14CK			3	1	4.0	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15153062	Lâm Minh	Thú	DH15CD			3	0	3.0	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13137135	Trần Hoàng	Thiên	DH13NL		1	1.5	2.1	4.6	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	15137055	Trần Ngọc	Thiện	DH15NL			1.2	3.9	5.1	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15137056	Huỳnh Phúc	Thịnh	DH15NL			1.5	1.4	2.9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02660



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 003_DH15GB_06

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi: 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: PV400B

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp: DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115451	Ngô Xuân Thịnh	DH14CB				1.2	0	1.2	00012345678910	0103456789
17	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD				0.0	0	0.0	00012345678910	0123456789
18	15115156	Nguyễn Thành Thông	DH15GN				3	0	3.0	00012345678910	0123456789
19	13115403	Trần Văn Thuận	DH13GN				0.0	0	0.0	00012345678910	0123456789
20	15115162	Võ Thanh Thủy	DH15GN				1.8	0.7	2.5	00012345678910	0123456789
21	15115161	Nguyễn Thị Minh Thủy	DH15CB				2.4	0	2.4	00012345678910	0123456789
22	11169015	Lê Tấn Thương	DH11GN				1.5	2.5	4.0	00012345678910	0123456789
23	15115166	Ngô Ngọc Tiến	DH15GB				1.2	1.8	3.0	00012345678910	0123456789
24	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL				2.1	2.1	4.2	00012345678910	0123456789
25	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK				2.1	2.1	4.2	00012345678910	0123456789
26	15115171	Nguyễn Thị Trân	DH15CB				2.1	0	2.1	00012345678910	0123456789
27	13153244	Nguyễn Thanh Trí	DH13CD							00012345678910	0123456789
28	15114177	Trần Minh Trí	DH15CB				2.1	0.4	2.5	00012345678910	0123456789
29	15115180	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	DH15GN				1	3	4.6	00012345678910	0123456789
30	15137063	Nguyễn Phước Trịnh	DH15NL							00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02660



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Sức bền vật liệu (207113) - 003_DH15GB_06

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 01/02/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV400B

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL				1.2	1.1	2.3	0012345678910	0123456789
32	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK				1.5	4.6	6.1	0012345678910	0123456789
33	15115183	Đặng Thế Trung	DH15GN				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
34	14115454	Hồ Hoàng Trung	DH14CH				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
35	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK				1.2	0.4	1.6	0012345678910	0123456789
36	15115182	Vũ Trung Trục	DH15CB				Cấm thi			0012345678910	0123456789
37	13137158	Nguyễn Minh Tú	DH13NL				1.2	0.7	1.9	0012345678910	0123456789
38	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC				1.2	0.4	1.6	0012345678910	0123456789
39	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
40	14115267	Cà Thị Kim Tuyền	DH14GN				2.1	0.4	2.5	0012345678910	0123456789
41	15115190	Lê Văn Tứ	DH15CB				1.2	0.4	1.6	0012345678910	0123456789
42	15115195	Đỗ Thị Văn	DH15CB				3	5	8.0	0012345678910	0123456789
43	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK				1.2	1.1	2.3	0012345678910	0123456789
44	15153077	Trịnh Quốc Vương	DH15CD				1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
45	15115205	Nguyễn Bảo Yên	DH15GB				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 001_DH15CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD403

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC	<i>Ch</i>		1,0	2,0	2,0	5,0	○○○1234●6789○	●123456789
2	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC	<i>ch</i>		1,0	2,0	1,5	4,5	○○○123●56789○	○123●56789
3	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC	<i>Th</i>		1,0	1,4	2,3	4,7	○○○123●56789○	○123456●89
4	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC	<i>D</i>		1,0	2,4	2,0	5,4	○○○1234●6789○	○123●56789
5	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC	<i>DH</i>		1,0	3,0	1,8	5,8	○○○1234●6789○	○1234567●9
6	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC	<i>L</i>		1,0	2,6	3,0	6,6	○○○12345●789○	○12345●789
7	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC	<i>CT</i>		1,0	2,0	2,0	5,0	○○○1234●6789○	●123456789
8	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC	<i>H</i>		1,0	2,0	3,5	6,5	○○○12345●789○	○1234●6789
9	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC	<i>Khang</i>		1,0	1,8	2,5	5,3	○○○1234●6789○	○12●456789
10	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC	<i>Kh</i>		1,0	2,4	4,3	7,7	○○○123456●89○	○123456●89
11	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC	<i>L</i>		1,0	1,2	1,5	3,7	○○○12●456789○	○123456●89
12	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC	<i>LH</i>		1,0	2,2	2,5	6,7	○○○12345●789○	○123456●89
13	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC	<i>L</i>		1,0	1,8	2,3	5,1	○○○1234●6789○	○●23456789
14	15118052	Trào An Lộc	DH15CC	<i>L</i>		1,0	0,8	0,8	2,6	○○○1●3456789○	○12345●789
15	15118053	Dặng Minh Lợi	DH15CC	<i>L</i>		1,0	1,2	2,5	4,7	○○○123●56789○	○123456●89



Mã nhận dạng 02668



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 001_DH15CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD403

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			1,0	2,6	3,3	6,9	0012345678910	0123456789
17	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			1,0	1,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
18	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			1,0	1,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
19	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			1,0	1,4	0,0	2,4	0012345678910	0123456789
20	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CC			1,0	1,6	1,8	4,4	0012345678910	0123456789
21	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			1,0	1,6	1,8	4,4	0012345678910	0123456789
22	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			1,0	1,4	2,0	4,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 21. Số sinh viên vắng: 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 002_DH15CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi PV319 Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

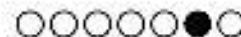
Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118077	Nguyễn Minh Nhựt	DH15CC	<i>Minh</i>		1,0	2,2	3,3	6,5	0012345678910	0123456789
2	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	<i>Phong</i>		0,0	1,2	1,8	3,0	0012345678910	0123456789
3	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC	<i>Thy</i>		1,0	2,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC	<i>Phuoc</i>		0,5	1,6	1,3	3,4	0012345678910	0123456789
5	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	<i>Phuong</i>		1,0	1,8	1,3	4,1	0012345678910	0123456789
6	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC	<i>Qui</i>		1,0	2,4	3,0	6,4	0012345678910	0123456789
7	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC	<i>Son</i>		1,0	2,2	2,3	5,5	0012345678910	0123456789
8	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC	<i>Tai</i>		1,0	1,8	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
9	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC	<i>Tho</i>		1,0	2,2	1,8	5,0	0012345678910	0123456789
10	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC	<i>Tien</i>		1,0	2,4	2,5	5,9	0012345678910	0123456789
11	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC	<i>Tin</i>						0012345678910	0123456789
12	15118108	Lê Trung Tinh	DH15CC	<i>Tinh</i>		1,0	2,4	1,5	4,9	0012345678910	0123456789
13	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC	<i>Toan</i>		1,0	1,6	3,0	5,6	0012345678910	0123456789
14	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC	<i>Tran</i>		1,0	1,8	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
15	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC	<i>Trong</i>		1,0	2,0	1,5	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02669



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu phi kim loại (207120) - 002_DH15CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi PV319

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 đo%	D2 đo%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			1,0	1,8	1,2	4,0	0012345678910	0123456789
17	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			1,0	2,0	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
18	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			1,0	1,6	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
19	15118128	Hoàng Trung Tướng	DH15CC			1,0	1,4	0,5	2,9	0012345678910	0123456789
20	15118130	Huỳnh Tấn Vãng	DH15CC			1,0	1,8	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
21	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			1,0	1,8	2,5	5,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 20 Số sinh viên vắng: 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Phạm Duy Lâm

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15CD_01 Số Tín Ch 2

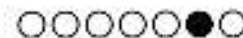
Ngày Thi 18/01/2018 Giờ Thi: 07:00 Phòng Thi RD303 Giảng viên: Phạm Quang Thắng

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa) Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm 10
1	15138003	Đặng Hoàng Anh	DH15TD	<i>huc</i>		2.9	3.6		6.3	0012345678910	0123456789
2	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT	<i>Anh</i>		2.9	6.5		7.4	0012345678910	0123456789
3	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD	<i>hao</i>		2.1	1.8		3.9	0012345678910	0123456789
4	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD	<i>huo</i>		2.7	3.2		5.9	0012345678910	0123456789
5	15118006	Nguyễn Châu Bình	DH15CK	<i>clay</i>		2.7	3.3		6.6	0012345678910	0123456789
6	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	Bình	<i>huc</i>		2.6	3.6		6.0	0012345678910	0123456789
7	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL	<i>Ruc</i>		2.3	2.4		4.7	0012345678910	0123456789
8	15118008	Lê Trung Chiên	DH15CK	<i>chun</i>		2	2.1		6.1	0012345678910	0123456789
9	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT	<i>cuong</i>		2.8	5.6		8.2	0012345678910	0123456789
10	12153043	Hồ Thành Danh	DH12CD	<i>ho</i>		1.1	1.8		2.9	0012345678910	0123456789
11	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD	<i>my</i>		2.9	2.7		5.2	0012345678910	0123456789
12	15138020	Vô Hải Duy	DH15TD	<i>duy</i>		2.2	3.0		5.2	0012345678910	0123456789
13	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD	<i>duy</i>		2.6	2.1		4.7	0012345678910	0123456789
14	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC	<i>duy</i>		2.4	3.6		6.0	0012345678910	0123456789
15	15153008	Lê Bá Tiến Đạt	DH15CD	<i>dat</i>		2.1	2		4.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03627



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

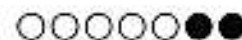
Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153006	Phan Hữu Đăng	DH15CD			2.5	3.3		5.8	0012345678910	0123456789
17	15118016	Phạm Hữu Định	DH15CK			2	2.7		4.7	0012345678910	0123456789
18	13153077	Trương Công Định	DH13CD							0012345678910	0123456789
19	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ Đức	DH15TD			1.9	2.7		4.6	0012345678910	0123456789
20	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT			2.4	2.1		4.5	0012345678910	0123456789
21	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			2.1	2.4		4.5	0012345678910	0123456789
22	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			2.3	2.1		4.4	0012345678910	0123456789
23	15153019	Nguyễn Nhật Hào	DH15CD			3.3	3.6		6.9	0012345678910	0123456789
24	15138021	Phạm Thị Thúy Hằng	DH15TD			3.1	3.7		6.8	0012345678910	0123456789
25	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT			3.1	4.3		7.4	0012345678910	0123456789
26	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD			2.9	2.4		5.3	0012345678910	0123456789
27	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT			2.8	3		5.8	0012345678910	0123456789
28	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT			3.2	4.7		7.9	0012345678910	0123456789
29	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK			2.9	3.9		6.8	0012345678910	0123456789
30	16154055	Y-##Ng	DH16OT			3.1	1.8		4.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03627



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi: 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi: RD303

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

Lớp: DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD	Kỳ		2	3.1		5.1	001234567890	0123456789
32	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC	Lam		2.5	2.8		5.2	001234567890	0123456789
33	16137046	Lê Quang Lanh	DH16NL	Quang		2.7	3.3		6.6	001234567890	0123456789
34	15118051	Mai Văn Lịch	DH15CK							001234567890	0123456789
35	15153034	Trần Minh Long	DH15CD	Long		2.6	3.6		6.0	001234567890	0123456789
36	15118052	Trào An Lộc	DH15CC	Lộc		2.1	1.9		4.0	001234567890	0123456789
37	15118053	Dặng Minh Lợi	DH15CC	Lợi		2.5	2.3		4.8	001234567890	0123456789
38	16118090	Nguyễn Tấn Lộc	DH16CC	Lộc		2	2.5		4.5	001234567890	0123456789
39	15153037	Lê Đức Mạnh	DH15CD	Mạnh		3.6	5.1		8.7	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 37. Số sinh viên vắng: 0.2

Ngày 18 Tháng 3 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

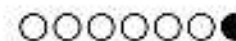
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Chang
Phạm Quang ThắngChang
Cao Đức LộcChang
TS. Kiều Anh TríchChang
Phạm Quang ThắngChang
Nguyễn Văn Sơn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

SIT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 60%	Đ2 65%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138042	Vũ Văn Minh	DH15TD			2.6	2.4		6.2	0012345678910	0123456789
2	15153152	Đặng Hoàng Nam	DH11CD			1.2	3.3		5.0	0012345678910	0123456789
3	15153039	Hồ Thị Thúy Nga	DH15CD			2.6	3.9		6.3	0012345678910	0123456789
4	15153040	Hồ Văn Nghĩa	DH15CD			3.8	4.5		8.3	0012345678910	0123456789
5	15153043	Nguyễn Văn Sơn	DH15CD			2.3	3.6		5.7	0012345678910	0123456789
6	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD			3	2.2		5.2	0012345678910	0123456789
7	15153047	Mai Tấn Phát	DH15CD			3.6	3.6		7.0	0012345678910	0123456789
8	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK			2.3	1.5		3.8	0012345678910	0123456789
9	15153048	Đinh Hoàng Phương	DH15CD			2.5	3.9		6.4	0012345678910	0123456789
10	15153009	Vô Minh Phương	DH11CD			1.8	2.5		4.3	0012345678910	0123456789
11	15153049	Thân Trọng Quan	DH15CD							0012345678910	0123456789
12	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			1.6	3.0		4.6	0012345678910	0123456789
13	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD			2.9	3		5.9	0012345678910	0123456789
14	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DH15TD			2.2	1.5		3.7	0012345678910	0123456789
15	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD			2.2	3.6		6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02671



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Phạm Quang Thống

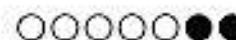
Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 60%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15154041	Nguyễn Minh Nhật	Quyển	DH15OT		2.6	0.9		3.3	0012345678910	0123456789
17	13118250	Bạch Đình	Quyết	DH13CC						0012345678910	0123456789
18	15153054	Nguyễn	Sỹ	DH15CD		2.1	2.2		4.8	0012345678910	0123456789
19	16138075	Nguyễn Sơn	Thắng	DH16TD						0012345678910	0123456789
20	15137054	Chu Đức	Thiện	DH15NL		1.6	2.3		3.7	0012345678910	0123456789
21	15138067	Nguyễn Đình	Thông	DH15TD		1.6	0.9		2.3	0012345678910	0123456789
22	15153067	Trương Văn	Tịnh	DH15CD		2.2	1.2		3.9	0012345678910	0123456789
23	15153068	Nguyễn Huy	Toàn	DH15CD		2.3	0.9		3.2	0012345678910	0123456789
24	15118110	Vũ Công	Toàn	DH15CK		2.6	3.6		6.2	0012345678910	0123456789
25	15153069	Lê Minh	Tới	DH15CD		2.5	4.8		7.3	0012345678910	0123456789
26	15118114	Lê Đức	Trí	DH15CK						0012345678910	0123456789
27	15153070	Lê Bá	Trọng	DH15CD		2.6	3.8		6.4	0012345678910	0123456789
28	15153071	Hồ Thái	Trung	DH15CD		2.5	1.9		4.4	0012345678910	0123456789
29	15118123	Trần Thanh	Tú	DH15CK		2.1	3.1		5.2	0012345678910	0123456789
30	15153073	Nguyễn Anh	Tuấn	DH15CD		3.2	2.2		5.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02671



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi RD106

Giảng viên: Phạm Quang Thắng

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT			2.6	2.8		5.4	0012345678910	0123456789
32	11115015	Trần Quang Tuấn	DH11CB							0012345678910	0123456789
33	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC			1.9	1.5		3.4	0012345678910	0123456789
34	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			2.6	2.4		4.8	0012345678910	0123456789
35	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			2.5	2.6		4.9	0012345678910	0123456789
36	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			2.8	1.6		4.4	0012345678910	0123456789
37	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			2.3	3		5.3	0012345678910	0123456789
38	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD			1	0.9		1.9	0012345678910	0123456789
39	15118139	Nguyễn Thánh Ý	DH15CK			2.9	3.4		6.3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 39 Số sinh viên vắng: 5...

Ngày 7 Tháng 3 Năm 2018

Ban bộ coi thi 1

Nguyễn Văn Ngọc Thạch

Ban bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Xác nhận của Bộ Môn

K. Vương Văn Tuấn

Ban Bộ Chấm Thi 1

Phạm Quang Thắng

Ban Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001 DH16TD 02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

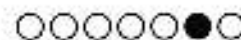
Lớp **DH16CC (Cơ khí chế biến hàng quân NSTP)**

Trans 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 30 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	16118011	Tồn Thế Anh	DH16CC			1,0	1,7	0,9	3,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			1,0	1,1	1,4	3,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			1,0	1,1	3,0	5,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	16138004	Lê Kim Bảng	DH16TD		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			1,0	1,7	1,2	3,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	16118023	Huỳnh Trung Cường	DH16CK			1,0	0,5	2,6	4,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			0,5	1,5	0,0	2,0	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			1,0	1,1	0,6	2,7	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
9	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			1,0	1,4	2,9	5,3	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
10	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			1,0	1,2	5,5	7,7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			1,0	1,7	2,9	5,5	○●①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD			1,0	1,5	1,1	3,6	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			0,5	1,2	0,9	2,6	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC			0,5	0,8	2,3	3,6	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
15	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			1,0	1,1	2,4	4,5	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02672



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH16TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

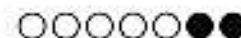
Lớp DH16TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			1,0	1,7	12	3,9	001234567890	0123456789
17	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD			1,0	1,2	1,8	4,0	001234567890	0123456789
18	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD			1,0	1,2	2,4	4,6	001234567890	0123456789
19	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD			1,0	0,6	0,9	2,5	001234567890	0123456789
20	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD			1,0	2,3	2,0	5,3	001234567890	0123456789
21	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			1,0	1,1	2,0	4,1	001234567890	0123456789
22	16138029	Lê Nhật Hào	DH16TD			0,5	1,5	0,5	2,5	001234567890	0123456789
23	16138030	Nguyễn Văn Hào	DH16TD			1,0	1,5	2,7	5,2	001234567890	0123456789
24	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD			1,0	1,4	0,8	3,1	001234567890	0123456789
25	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD			1,0	2,0	1,8	4,8	001234567890	0123456789
26	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			1,0	1,5	0,9	3,4	001234567890	0123456789
27	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			1,0	0,9	0,6	2,5	001234567890	0123456789
28	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			1,0	1,4	2,7	5,1	001234567890	0123456789
29	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT			1,0	1,2	2,9	5,1	001234567890	0123456789
30	16138043	Trần Đức Huy	DH16TD			1,0	1,8	2,4	5,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02672



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 001_DH16TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC	<i>Huy</i>		1,0	1,8	1,1	3,9	0012345678910	0123456789
32	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC	<i>Huu</i>		1,0	1,4	1,5	3,9	0012345678910	0123456789
33	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC	<i>Hoang</i>		1,0	1,7	2,4	5,1	0012345678910	0123456789
34	16138046	Đỗ Trọng Khang	DH16TD		✓					0012345678910	0123456789
35	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC		✓					0012345678910	0123456789
36	16118072	Phạm Minh Khoa	DH16CC	<i>Khoa</i>		1,0	1,8	1,2	3,9	0012345678910	0123456789
37	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC	<i>Khôi</i>		1,0	1,7	1,5	4,2	0012345678910	0123456789
38	13137079	Phan Động Tuấn	DH13NL	<i>Tuấn</i>		1,0	1,8	1,2	4,0	0012345678910	0123456789
39	16138048	K'Pa Krim	DH16TD	<i>Rim</i>		0,5	1,2	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
40	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		1,0	1,2	0,2	2,4	0012345678910	0123456789
41	16118080	Bùi Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		1,0	1,4	0,8	3,2	0012345678910	0123456789
42	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC	<i>Lê</i>		1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
43	16138051	Dương Thị Mỹ Linh	DH16TD	<i>Linh</i>		1,0	1,5	1,1	3,6	0012345678910	0123456789
44	16118086	Nguyễn Đại Lộc	DH16CC	<i>Lộc</i>		1,0	2,0	0,9	3,9	0012345678910	0123456789
45	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	DH16CC	<i>Phước</i>		1,0	1,5	1,2	3,7	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH16TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV400A

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

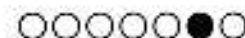
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153029	Hàng Lục	DH14CD			0,5	0,6	1,2	2,3	001034567890	0120456789
2	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD			1,0	2,1	2,7	5,8	001234067890	0123456709
3	16138059	Vô Hoàng Nam	DH16TD			1,0	1,4	3,3	5,7	001234067890	0123456089
4	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD			1,0	1,5	2,0	4,5	001230567890	0123406789
5	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC			1,0	0,8	1,8	3,6	001204567890	0123450789
6	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC			1,0	1,7	1,7	4,4	001230567890	0123056789
7	16118108	Ngô Quang Đình	DH16CC			1,0	1,1	1,1	3,2	001204567890	0103456789
8	16138062	Nguyễn Đình Trục	DH16TD			1,0	2,1	1,5	4,6	001230567890	0123450789
9	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC			1,0	1,8	2,9	5,7	001234067890	0123456089
10	16118119	Đinh Đình Hoài Phúc	DH16CC			1,0	0,9	0,3	2,2	001034567890	0103456789
11	16118122	Ngô Văn Nu Phương	DH16CC			1,0	1,4	0,6	3,0	001204567890	0123456789
12	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD			0,5	2,3	0,0	2,8	001034567890	0123456709
13	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD			1,0	1,1	0,0	2,1	001034567890	0023456789
14	16118128	Lê Đức Quy	DH16CC			1,0	1,4	1,4	3,8	001204567890	0123456709
15	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC			1,0	1,1	2,9	5,0	001234067890	0123456789



Mã nhận dạng 02673



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DHI6TD_02

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV400A

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DHI6TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	16138071	Trần Phước Sang	DHI6TD			1,0	1,1	1,1	3,2	001234567890	0123456789
17	14118239	Vân Công Sĩ	DHI4CK			1,0	1,4	0,0	2,5	001234567890	0123456789
18	16118132	Huỳnh Sơn	DHI6CC			1,0	1,1	1,4	3,5	001234567890	0123456789
19	16118134	Nguyễn Duy Sơn	DHI6CC			1,0	1,1	2,6	4,7	001234567890	0123456789
20	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DHI6CC			1,0	1,2	1,7	3,9	001234567890	0123456789
21	16118137	Dương Văn Tài	DHI6CC			1,0	1,2	3,8	6,0	001234567890	0123456789
22	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DHI6TD			1,0	1,4	3,5	5,9	001234567890	0123456789
23	16138076	Trần Đình Thanh	DHI6TD			1,0	2,0	1,8	4,8	001234567890	0123456789
24	16138077	Đỗ Hữu Thành	DHI6TD			1,0	1,8	0,3	3,1	001234567890	0123456789
25	16118143	Hà Văn Thắng	DHI6CC			1,0	1,8	0,8	3,6	001234567890	0123456789
26	16138079	Lê Thế	DHI6TD			1,0	1,8	1,4	4,2	001234567890	0123456789
27	16138081	Đặng Anh Thông	DHI6TD			1,0	1,8	1,7	4,5	001234567890	0123456789
28	16118152	Đặng Thị Hòa	DHI6CC			1,0	1,1	3,4	5,5	001234567890	0123456789
29	16138083	Trần Nguyễn Quốc Tiến	DHI6TD			1,0	1,7	2,1	4,8	001234567890	0123456789
30	16118159	Lê Văn Tinh	DHI6CC			1,0	1,7	4,1	6,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02673



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Vật liệu và công nghệ kim loại (207121) - 002_DH16TD_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 18/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV400A

Giảng viên: Nguyễn Thanh Phong

Lớp DH16CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16118160	Lê Bà Toàn	DH16CC			1,0	1,7	2,6	5,3	0012345678910	0123456789
32	16118162	Ngô Khắc Triệu	DH16TD			1,0	2,0	4,2	7,2	0012345678910	0123456789
33	16118164	Đào Thanh Tà	DH16CC			1,0	1,7	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
34	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC			1,0	0,9	0,2	2,1	0012345678910	0123456789
35	13334233	Nguyễn Hoàng Tuấn	CD13CI			1,0	1,4	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
36	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			1,0	1,2	0,6	2,8	0012345678910	0123456789
37	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL			1,0	1,5	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
38	16118170	Võ Tường	DH16CC			1,0	1,4	2,0	4,4	0012345678910	0123456789
39	16118171	Đoàn Đình Văn	DH16CC			1,0	0,6	2,6	4,2	0012345678910	0123456789
40	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD			1,0	1,1	0,8	2,9	0012345678910	0123456789
41	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			1,0	0,9	0,0	1,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 41. Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Điểm %	D2 Điểm %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			1.9	6		7.9	000123456789	0123456789
2	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT			1.4	5.2		6.6	000123456789	0123456789
3	15154006	K* Bùng	DH15OT			2	4		6	000123456789	0123456789
4	14153068	Nguyễn Hoàng Anh Chiến	DH14CD			1.9	4.8		6.7	000123456789	0123456789
5	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			1.9	4.8		6.7	000123456789	0123456789
6	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			1.8	6.8		8.6	000123456789	0123456789
7	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			1.6	6		7.6	000123456789	0123456789
8	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			1.3	6		7.3	000123456789	0123456789
9	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC							000123456789	0123456789
10	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK			1.9	6.6		8.3	000123456789	0123456789
11	15153011	Ngô Phú Đố	DH15CD			1.8	6.4		8.2	000123456789	0123456789
12	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL			1.9	6.8		8.7	000123456789	0123456789
13	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT			1.9	4		5.9	000123456789	0123456789
14	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			1.7	5.6		7.3	000123456789	0123456789
15	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			1.6	5.6		7.2	000123456789	0123456789
16	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			1.4	6.8		8.2	000123456789	0123456789
17	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			1.4	4		5.4	000123456789	0123456789
18	14153079	Bùi Văn Hán	DH14CD			1.9	5.6		7.5	000123456789	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			1.9	6.8		8.7	○○○12345678910	○○123456789
20	14154018	Trần Bá Hiên	DH14OT			1.8	5.2		7	○○○12345678910	○○123456789
21	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DH15CD			2	6.4		8.6	○○○12345678910	○○123456789
22	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			1.8	6.8		6.6	○○○12345678910	○○123456789
23	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD			1.9	5.6		7.5	○○○12345678910	○○123456789
24	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK			1.6	6.6		8	○○○12345678910	○○123456789
25	14153019	Cao Bá Kế	DH14CD			1.5	6.4		7.9	○○○12345678910	○○123456789
26	15153028	Lê Huỳnh Khang	DH15CD			2	7.6		9.6	○○○12345678910	○○123456789
27	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL			1.9	6.8		6.7	○○○12345678910	○○123456789
28	14137046	Nguyễn Nhật Khoa	DH14NL			2	4.8		6.8	○○○12345678910	○○123456789
29	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD			2	6.4		8.4	○○○12345678910	○○123456789
30	14153024	Ngô Tường Lâm	DH14CD			1.7	6		7.7	○○○12345678910	○○123456789
31	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK			1.4	6.4		7.8	○○○12345678910	○○123456789
32	15153037	Lê Đức Mạnh	DH15CD			2	7.6		9.6	○○○12345678910	○○123456789
33	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC							○○○12345678910	○○123456789
34	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC							○○○12345678910	○○123456789
35	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL			1.8	5.2		7	○○○12345678910	○○123456789
36	14153104	Phan Thanh Nam	DH14CD			1.9	6.4		8.3	○○○12345678910	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15153039	Hồ Thị Thúy Nga	DH15CD							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	14153034	Chê Thành	DH14CD			1.7	6.4		8.1	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	15153040	Hồ Văn	DH15CD			2	7.6		9.6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
40	15153041	Bùi Hồng	DH15CD			2	6.6		8.6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15153043	Nguyễn Văn Sơn	DH15CD			2	6.8		8.8	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
42	14153037	Lê Trung	DH14CD			1.9	6.8		6.7	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	DH14CD			1.6	6.4		8	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14137051	Nguyễn Hữu	DH14NL			1.9	6.8		8.7	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
45	15153046	Phạm Huỳnh	DH15CD			1.9	5.6		7.5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	15153047	Mai Tấn	DH15CD			2	7.6		9.6	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
47	14118228	Trần Hữu	DH14CC			1.2	5.6		6.8	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
48	15153048	Dinh Hoàng	DH15CD			1.8	5.6		7.6	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	14137056	Trần Minh	DH14NL							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	15153051	Nguyễn Anh	DH15CD			1.9	6.8		8.7	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
51	15153052	Nguyễn Trung Minh	DH15CD			1.5	6.8		8.3	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14153045	Và Xuân	DH14CD			2	5.6		7.6	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
53	15118086	K"	DH15CK			1.8	5.2		7	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	15154044	Nguyễn Và Hoàng	DH15OT							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
55	14153117	Phạm Quốc Sợ	DH14CD			1.9	4.8		6.7	○○○12345678910	○○123456789
56	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD			1.9	6.8		8.7	○○○12345678910	○○123456789
57	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD			1.8	6.8		8.6	○○○12345678910	○○123456789
58	14153119	Trần Trí Tâm	DH14CD			1.9	5.6		7.5	○○○12345678910	○○123456789
59	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			1.9	6.8		6.7	○○○12345678910	○○123456789
60	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			1.9	5.6		7.5	○○○12345678910	○○123456789
61	15153064	Nguyễn Hiền Thuận	DH15CD			1.4	6.8		8.2	○○○12345678910	○○123456789
62	14137080	Nguyễn Ngọc Thuận	DH14NL			1.8	6.8		8.6	○○○12345678910	○○123456789
63	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD			1.8	5.6		7.4	○○○12345678910	○○123456789
64	15153072	Vũ Văn Truyền	DH15CD			2	6.6		8.4	○○○12345678910	○○123456789
65	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK							○○○12345678910	○○123456789
66	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD			2	5.6		7.6	○○○12345678910	○○123456789
67	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK			1.9	6.6		8.3	○○○12345678910	○○123456789
68	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			2	5.6		7.6	○○○12345678910	○○123456789
69	14137092	Cao Tấn Tùng	DH14NL			1.9	6.8		6.7	○○○12345678910	○○123456789
70	14137091	Phạm Đức Tuyền	DH14NL			1.9	6.8		8.7	○○○12345678910	○○123456789
71	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT			1.6	6.4		8	○○○12345678910	○○123456789
72	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			2	6		6	○○○12345678910	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
73	14118094	Lê Minh Vũ	DH14CC			1.8	5.6		7.4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
74	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			1.9	6		5.9	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
75	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			1.9	6.8		6.7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
76	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			1.2	6.8		8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 7

Hiện diện: 69

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chang
Phạm Quang Thắng

TS. Vũ Ngọc Thanh Tịch

Chang
Phạm Quang Thắng

Chang
Nguyễn Thanh Vũ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			1.6	6		7.6	○○○12345678910	○○123456789
2	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			4.6	4.8		6.4	○○○12345678910	○○123456789
3	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC							○○○12345678910	○○123456789
4	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			1.2	6		7.2	○○○12345678910	○○123456789
5	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			1.8	6		7.8	○○○12345678910	○○123456789
6	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			1.5	6		7.5	○○○12345678910	○○123456789
7	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			1.6	7.2		8.6	○○○12345678910	○○123456789
8	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT			2	6.6		6.6	○○○12345678910	○○123456789
9	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK			2	6		8	○○○12345678910	○○123456789
10	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT			1.7	5.2		6.9	○○○12345678910	○○123456789
11	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			1.6	5.6		7.2	○○○12345678910	○○123456789
12	15153008	Lê Bá Tiến Đạt	DH15CD			1.8	7.2		9	○○○12345678910	○○123456789
13	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT			1.3	6.6		7.7	○○○12345678910	○○123456789
14	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			4.6	6		7.6	○○○12345678910	○○123456789
15	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT			1.8	5.2		7	○○○12345678910	○○123456789
16	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD			1.6	6		7.6	○○○12345678910	○○123456789
17	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT			1.8	6.6		8.2	○○○12345678910	○○123456789
18	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC							○○○12345678910	○○123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14154020	Vũ Anh Hiếu	DH14OT			4.4	4.4		5.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118167	Nguyễn Văn Hòa	DH14CC			1.7	6		7.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			1.6	6.4		8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC			1.9	6.8		8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			2.9	6.8		8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC							①①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15118054	Đặng Duy Long	DH15CK			1.9	6.8		8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD			1.6	7.2		8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15153034	Trần Minh Long	DH15CD			1.8	7.2		9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15118052	Trần An Lộc	DH15CC							①①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC							①①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC							①①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			1.6	5.2		6.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	14153036	Phan Trọng Nghĩa	DH14CD			2	6		8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	15154036	Vô Khắc Hoàn Nhân	DH15OT			2	6.4		8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT			1.6	5.2		6.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			2	6.4		8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC			1.9	6.8		8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ. %	D2 Đ. %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	15154038	Dặng Thanh Phong	DH15OT							00012345678900	0123456789
38	14153044	Bùi Đức Phương	DH14CD			2	6		8	00012345678900	0123456789
39	15118084	Bùi Quốc Quý	DH15CC			2	6.8		8.8	00012345678900	0123456789
40	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			2	5.2		7.2	00012345678900	0123456789
41	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			1.7	5.2		6.9	00012345678900	0123456789
42	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC			1.7	5.2		6.9	00012345678900	0123456789
43	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			1.6	6		7.6	00012345678900	0123456789
44	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			1.8	5.2		7	00012345678900	0123456789
45	15118104	Hoàng Ngọc Tiến	DH15CK			1.6	5.6		7	00012345678900	0123456789
46	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC							00012345678900	0123456789
47	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT			2	4.6		6.4	00012345678900	0123456789
48	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK			1.8	5.6		7.4	00012345678900	0123456789
49	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC			1.8	6.8		8.6	00012345678900	0123456789
50	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC							00012345678900	0123456789
51	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			1.4	4.8		6.2	00012345678900	0123456789
52	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC							00012345678900	0123456789
53	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			2	5.6		7.6	00012345678900	0123456789
54	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC							00012345678900	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Máy và thiết bị phân ly (207214) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC		✓		2,8	2,5	5,3	○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC				1,8	2,5	4,3	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC				1,8	3,0	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
5	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC				1,5	3,0	4,5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC				2,5	4,0	6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC				2,5	4,0	6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	13118109	Phạm Đại	DH13CC				2,0	3,0	5,0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC				2,8	4,5	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118021	Đỗ Kỳ Hà	DH14CC				2,5	2,5	5,0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC				2,8	4,0	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC				1,8	4,5	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC				2,8	3,0	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
16	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC				2,8	4,2	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15118052	Trào An Lộc	DH15CC				2,8	3,0	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
18	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC				2,8	3,5	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

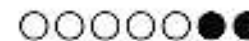
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Máy và thiết bị phân ly (207214) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC				2,5	3,0	5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC				3,0	4,0	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC				2,3	3,0	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC				3,3	4,0	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14118206	Lê Từ Nguyễn	DH14CC				2,0	3,0	5,0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC				2,8	4,0	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
25	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC				3,3	3,5	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
26	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC				3,0	4,5	7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
27	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC				2,5	3,5	6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC				2,8	3,3	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC				2,5	3,0	5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
30	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC				2,5	3,5	6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC				3,0	3,5	6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
32	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC				2,5	4,5	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC		✓					○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15118108	Lê Trung Tình	DH15CC				2,8	3,5	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15118112	Nguyễn Hữu Trần	DH15CC				3,5	3,5	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC				2,0	4,0	6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Máy và thiết bị phân ly (207214) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC				2,3	3,0	5,3	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC				3,3	4,0	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
39	14118089	Nguyễn Nhật Tuyên	DH14CC				2,3	3,0	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC				2,3	3,0	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
41	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC				2,8	4,0	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
42	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC				2,8	4,0	6,8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨

Số lượng vắng: 4

Hiện diện: 38

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Lê Văn Tuấn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp

DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 1%	D2 2%	D3 3%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153063	Lê Ngọc Ân	DH14CD			0,9	1,2	3,9	6,0	001234567890	0123456789
2	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD			0,8	1,2	1,4	3,4	001234567890	0123456789
3	15137005	Nguyễn Đức	DH15NL			0,9	1,3	0,7	2,9	001234567890	0123456789
4	13154005	Lưu Công Chí	DH13OT			0,8	0,6	1,2	5,6	001234567890	0123456789
5	15153013	Nguyễn Trương Duy	DH15CD			1,0	1,3	3,2	5,5	001234567890	0123456789
6	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			1,0	1,5	3,2	6,1	001234567890	0123456789
7	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			1,0	2,0	2,9	6,9	001234567890	0123456789
8	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			1,0	0,8	4,2	6,0	001234567890	0123456789
9	14153011	Châu Khánh Đạt	DH14CD			1,0	0,8	3,2	5,0	001234567890	0123456789
10	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			1,0	1,7	2,8	5,5	001234567890	0123456789
11	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC			0,6	1,8	1,8	4,2	001234567890	0123456789
12	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD			1,0	1,2	1,8	4,0	001234567890	0123456789
13	13153077	Trương Công Định	DH13CD							001234567890	0123456789
14	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC			1,0	1,9	3,9	6,8	001234567890	0123456789
15	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			0,9	1,5	1,4	3,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02688



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 1m %	D2 2m %	D.Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm l6
16	14118019	Nguyễn Hùng	Giang	DH14CC		1,0	1,1	2,2	6,1	0012345678910	0123456789
17	15137013	Nguyễn Trường	Giang	DH15NL		1,0	1,1	6,0	8,9	0012345678910	0123456789
18	15153016	Sân Thanh	Hải	DH15CD		1,0	0,9	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
19	15153017	Trịnh Văn	Hải	DH15CD		0,5	1,1	1,1	2,7	0012345678910	0123456789
20	15153021	Động Trung	Hậu	DH15CD		1,0	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
21	15153025	Nguyễn Minh	Hiếu	DH15CD		1,0	1,1	2,8	4,9	0012345678910	0123456789
22	14118167	Nguyễn Văn	Hóa	DH14CC		1,0	1,2	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
23	15118041	Đỗ Quang	Huy	DH15CK		1,0	2,0	6,0	9,0	0012345678910	0123456789
24	13153122	Mai Đức	Hữu	DH13CD		0,6	1,4	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
25	15153029	Phạm Duy	Khánh	DH15CD		1,0	1,4	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
26	15137032	Nguyễn Bách	Khoa	DH15NL		1,0	1,7	4,6	7,3	0012345678910	0123456789
27	13137080	Lê Thành	Khôi	DH13NL		0,6	1,0	1,4	3,0	0012345678910	0123456789
28	15153030	Hoàng Văn	Kỳ	DH15CD		0,6	1,1	2,1	3,8	0012345678910	0123456789
29	14153027	Nguyễn Phun	Lợi	DH14CD		1,0	1,3	5,6	7,9	0012345678910	0123456789
30	15118058	Nguyễn Thành	Luân	DH15CK		1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02688



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD	Nam		0,9	1,4	0,7	3,5	00012345678910	00123456789
32	15118069	Vũ Văn Nam	DH15CK	Nam		1,0	0,8	3,5	5,3	00012345678910	00123456789
33	15153039	Hồ Thị Thúy Nga	DH15CD	Thuy		1,0	1,6	2,1	4,7	00012345678910	00123456789
34	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK	Nghe		0,9	1,3	1,8	3,9	00012345678910	00123456789
35	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD	HL		0,9	1,6	2,8	5,3	00012345678910	00123456789
36	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL	Thai		0,9	2,0	1,2	7,1	00012345678910	00123456789
37	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD	Nam		1,0	1,2	0,7	2,9	00012345678910	00123456789
38	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD	Phap		1,0	0,8	2,8	4,6	00012345678910	00123456789
39	14118222	Nguyễn Thánh Phương	DH14CC	Phuong		1,0	1,3	3,2	5,5	00012345678910	00123456789
40	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD	Anh		1,0	0,6	0,7	2,3	00012345678910	00123456789
41	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK	Minh		0,4	1,6	0,7	2,7	00012345678910	00123456789
42	15118089	Lê Văn Song	DH15CK	Song		1,0	1,8	3,5	6,3	00012345678910	00123456789
43	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD	Sy		1,0	0,9	4,9	6,8	00012345678910	00123456789
44	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL	Minh		0,9	2,0	0,7	3,6	00012345678910	00123456789
45	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD	Thai		1,0	0,8	1,6	6,4	00012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 02688



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

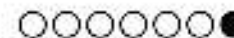
Phòng Thi TV103

Giảng viên:Trần Văn Tuấn

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15118092	Bùi Trí Tâm	DH15CK			1,0	1,9	4,9	7,8	001234567890	0123456789
47	15153057	Đỗ Thành Tâm	DH15CD			1,0	1,0	4,2	6,2	001234567890	0123456789
48	14153118	Phan Thương Hoài Linh	DH14CD			0,9	2,0	3,5	6,4	001234567890	0123456789
49	15153060	Nguyễn Hữu	DH15CD							001234567890	0123456789
50	14153124	Hà Duy	DH14CD			1,0	1,9	3,8	5,7	001234567890	0123456789
51	14118265	Nguyễn Quốc	DH14CC			1,0	1,3	3,1	4,4	001234567890	0123456789
52	15153065	Lê Văn	DH15CD			1,0	0,9	3,9	5,8	001234567890	0123456789
53	15153067	Trương Văn	DH15CD			0,8	0,6	1,4	2,8	001234567890	0123456789
54	15153068	Nguyễn Huy	DH15CD			1,0	0,6	2,5	4,1	001234567890	0123456789
55	15137060	Thái Minh	DH15NL			1,0	1,9	5,6	8,5	001234567890	0123456789
56	15153069	Lê Minh	DH15CD			1,0	1,9	5,6	8,5	001234567890	0123456789
57	14118078	Nguyễn Công	DH14CC			1,0	2,0	3,2	6,2	001234567890	0123456789
58	15118117	Lý Ngọc	DH15CK			0,9	1,3	2,5	4,6	001234567890	0123456789
59	13153251	Nguyễn Xuân	DH13CD			0,3	1,4	0,7	2,4	001234567890	0123456789
60	14153139	Lê Văn	DH14CD			0,9	1,1	3,9	6,6	001234567890	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: PP bù trí thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 20%	D.Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD			1,0	1,6	2,8	5,4	001234567890	0123456789
2	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD			1,0	1,4	2,8	5,2	001234567890	0123456789
3	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			0,6	1,2	2,8	4,6	001234567890	0123456789
4	14153068	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CD			0,9	0,6	2,1	3,6	001234567890	0123456789
5	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			1,0	1,3	2,2	5,5	001234567890	0123456789
6	14153070	Mai Thạch Dũ	DH14CD			0,6	1,2	3,5	5,3	001234567890	0123456789
7	13153059	Nguyễn Quốc Dũng	DH13CD			1,0	1,3	4,9	7,2	001234567890	0123456789
8	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD		✓					001234567890	0123456789
9	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			1,0	0,8	2,2	5,0	001234567890	0123456789
10	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			1,0	1,2	5,6	7,9	001234567890	0123456789
11	13153078	Trương Công Định	DH13CD			0,9	1,1	6,0	8,2	001234567890	0123456789
12	15153011	Ngô Phú Đỗ	DH15CD			1,0	1,3	4,6	6,9	001234567890	0123456789
13	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			1,0	1,4	2,9	6,3	001234567890	0123456789
14	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			1,0	1,2	4,2	6,4	001234567890	0123456789
15	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			1,0	2,0	4,9	7,9	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02687



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

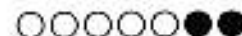
Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 100%	D2 200%	D. Số Đ. kết	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DH15CD			1,0	1,3	6,7	9,0	00012345678910	0123456789
17	13153009	Ngô Thanh Huy	DH13CD			1,0	1,5	7,0	9,5	00012345678910	0123456789
18	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL			1,0	1,0	2,8	4,8	00012345678910	0123456789
19	14153096	Huỳnh Duy Khánh	DH14CD			1,0	1,9	2,8	5,7	00012345678910	0123456789
20	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC			1,0	1,4	1,4	3,8	00012345678910	0123456789
21	13137083	Chu Bá Hoàng Lâm	DH13NL			0,5	1,3	0,7	2,5	00012345678910	0123456789
22	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD			1,0	1,0	7,0	9,0	00012345678910	0123456789
23	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			1,0	1,9	6,0	8,9	00012345678910	0123456789
24	15118052	Trào An Lộc	DH15CC			1,0	1,4	1,1	3,5	00012345678910	0123456789
25	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC			1,0	1,3	3,2	5,5	00012345678910	0123456789
26	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD			1,0	1,4	4,9	7,3	00012345678910	0123456789
27	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			1,0	1,6	3,5	6,1	00012345678910	0123456789
28	15153037	Lê Đức Mạnh	DH15CD			1,0	1,9	6,7	9,6	00012345678910	0123456789
29	15118062	Lăng Văn Minh	DH15CK			1,0	1,4	6,7	9,1	00012345678910	0123456789
30	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			1,0	1,0	2,5	4,5	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02687

Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm PP bổ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10%	D2 20%	D.Số 32	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153103	Nguyễn Đức	Nam	DĐ		1,0	1,3	2,1	4,0	0012345678910	0123456789
32	15118067	Nguyễn Hoài	Nam	han		1,0	1,3	2,1	4,4	0012345678910	0123456789
33	15153040	Hồ Văn	Nghĩa	phong		1,0	1,3	4,6	6,9	0012345678910	0123456789
34	15153043	Nguyễn Văn Sơn	Nguyên	huy		1,0	1,4	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
35	14153107	Đinh Như	Nhân	Nhân		0,8	1,6	3,2	5,5	0012345678910	0123456789
36	13153164	Lưu Ngọc	Nhân	ng		1,0	2,0	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
37	14153039	Nguyễn Văn	Nhân	nh		1,0	1,1	4,6	6,7	0012345678910	0123456789
38	15118076	Trương Trọng	Nhân	trung		1,0	0,8	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
39	15118077	Nguyễn Minh	Nhật	huy		1,0	1,6	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
40	15153047	Mai Tấn	Phát	phat		1,0	1,3	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
41	15118079	Nguyễn Thanh	Phong	thanh		1,0	1,3	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
42	15153048	Đinh Hoàng	Phuong	phong		1,0	1,3	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
43	13118250	Bạch Đình	Quyết	—	✓	1				0012345678910	0123456789
44	15118087	Nguyễn Thanh	Son	son		1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
45	15118091	Phạm Tấn	Tài	tau		1,0	1,4	2,5	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02687



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D3 30%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD			1,0	1,6	4,9	7,5	00012345678910	0123456789
47	15118094	Nguyễn Đoàn Thắng	DH15CK			1,0	1,3	3,5	5,8	00012345678910	0123456789
48	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD			1,0	1,4	3,9	6,3	00012345678910	0123456789
49	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL			1,0	1,1	2,5	4,6	00012345678910	0123456789
50	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			1,0	1,3	3,8	5,1	00012345678910	0123456789
51	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			0,9	0,8	2,8	4,5	00012345678910	0123456789
52	15118108	Lê Trung Tinh	DH15CC			1,0	0,9	5,3	7,2	00012345678910	0123456789
53	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC			1,0	1,2	3,5	5,7	00012345678910	0123456789
54	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			0,4	1,4	1,1	2,8	00012345678910	0123456789
55	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			1,0	0,8	3,5	5,3	00012345678910	0123456789
56	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD			1,0	2,0	4,9	7,9	00012345678910	0123456789
57	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			0,2	0,0	1,1	1,2	00012345678910	0123456789
58	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			1,0	1,4	4,9	7,3	00012345678910	0123456789
59	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			0,9	1,5	3,5	5,9	00012345678910	0123456789
60	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			0,8	1,9	3,5	6,2	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02687



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm PP hỗ trợ thí nghiệm & XLSL (207221) - 001_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 19/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV301

Giảng viên: Trần Văn Tuấn

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 16%	D2 20%	D.Số 42%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD			0,9	1,5	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
62	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT			0,6	1,4	2,1	4,1	0012345678910	0123456789
63	13118064	Nguyễn Văn Ty	DH13CK			1,0	1,0	4,6	6,6	0012345678910	0123456789
64	15118130	Huỳnh Tấn Vượng	DH15CC			1,0	0,8	4,2	6,0	0012345678910	0123456789
65	13153029	Trần Văn Vĩ	DH13CD			0,9	1,9	1,8	4,5	0012345678910	0123456789
66	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			1,0	1,3	1,4	3,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 64. Số sinh viên vắng: 2.

Ngày 28 Tháng 01 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
2	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
3	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
4	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK			2	2	3	7	○○○123456●8910	●123456789
5	14118132	Nguyễn Vô Trí	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●910	●123456789
6	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
7	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●910	●123456789
8	14118141	Trần Văn Điệp	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
9	14118025	Lê Quang Hiến	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
10	14118166	Vô Văn Hòa	DH14CK			2	2	3	7	○○○123456●8910	●123456789
11	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK			3	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
12	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
13	14118189	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●910	●123456789
14	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			2	2	3	7	○○○123456●8910	●123456789
15	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			2	2	4	8	○○○1234567●910	●123456789
16	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			2	2	3	7	○○○123456●8910	●123456789
17	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789
18	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			2	2	5	9	○○○12345678●10	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118226	Nguyễn Tấn Phước	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14118246	Trần Văn Tài	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH14CK			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Khoa/Bộ môn


Kiều Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 02

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14118116	Trương Chiến	DH14CK			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14118027	Nguyễn Đại Hoàng	DH14CK			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14118034	Đinh Đức Kiên	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	14118259	Nguyễn Gia Thê	DH14CK			2	2	5	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	14118266	Phan Minh Thoại	DH14CK			2	2	4	8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	14118083	Trương Minh Trí	DH14CK			2	2	3	7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	⑦①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 02

CBGD: Trần Văn Hoàng (819)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	<u>D1</u> %	<u>D2</u> %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm tẽ
19	14118081	Lê Ngọc Đăng Trình	DH14CK			2	2	3	7	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK			2	2	5	9	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			2	2	4	8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK			2	2	4	8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK			2	2	6	10	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK			2	2	5	9	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK			2	2	5	9	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14118309	Bùi Thanh Vinh	DH14CK			2	2	4	8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

kel
Hồng Nam Ngô

Trần Văn Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 1a %	D2 2a %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK			2	2	4	8	001234567890	0123456789
2	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK			2	2	4	8	001234567890	0123456789
3	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
4	14118017	Nguyễn Thanh Diên	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
5	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DH14CK			2	2	3	7	001234567890	0123456789
6	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
7	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			2	2	4	8	001234567890	0123456789
8	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK			2	2	4	8	001234567890	0123456789
9	14118192	Lê Thành Long	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
10	14118200	Phạm Quang Nam	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
11	13118033	Phạm Đình Nguyễn	DH13CK			2	2	3	7	001234567890	0123456789
12	13118221	Vũ Văn Nguyễn	DH13CK			2	2	3	7	001234567890	0123456789
13	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
14	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
15	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
16	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
17	15118111	Trần Văn Toàn	DH15CK			2	2	5	9	001234567890	0123456789
18	15118129	Nguyễn Xuân Văn	DH15CK			2	2	4	8	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14118312	Hà Thành Vj	DH14CK			2	2	5	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK			2	2	3 7	7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK			2	2	5	9	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK			2	2	3	7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi I

Cán bộ chấm thi 2

lul
Đồng hành Đồng


 Vũ Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: ứng dụng k.thuật số trong DKTD (207519) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138126	Nguyễn Duy Khương	DH12TD	✓	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138127	Phan Thanh Quý	DH12TD	✓	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD	Đào Hữu				7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138018	Nguyễn Thanh Trung	DH13TD	Nguyễn Trung				9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DH13TD	Trần Vĩnh				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD	Quách Dũng				7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138076	Võ Minh Hòa	DH13TD	Võ Hòa				7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD	Nguyễn Hoàng				7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD	Vũ Khương				7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138116	Vũ Tấn Lý	DH13TD	Vũ Lý				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD	Nguyễn Mạnh				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD	Trương Ngọc				7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD	Phạm Phước				7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD	Nguyễn Sang				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD	Trần Sang				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138192	Phạm Văn Thanh	DH13TD	Phạm Thanh				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138198	Phan Tiến Thành	DH13TD	Phan Thành				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138199	Trịnh Viết Thành	DH13TD	Trịnh Thành				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Cán bộ chấm thi 2

Le und Ban

Alvin
no. 416 101

Ulc
Ng Vũ Ngọc Bích



Mã nhận dạng 02738



Trang 1/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Xứ lý tín hiệu số (207525) - 001_DH15TD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

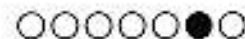
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 40%	Thi Đ.Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153065	Lê Ngọc Ân	DH14CD			10	8.5	8	8.3	001234567890	0123456789
2	15138005	Dương Võ	DH15TD			0	0	0.5	0.4	001234567890	0123456789
3	14153006	Hồ Nguyễn Văn	DH14CD			10	6	5	5.7	001234567890	0123456789
4	14153007	Phạm Hòa	DH14CD			10	6	5	5.7	001234567890	0123456789
5	14138002	Nguyễn Mạnh	DH14TD			10	9.8	8	8.6	001234567890	0123456789
6	15138010	Đông Xuân	DH15TD			10	2.8	4	4.4	001234567890	0123456789
7	14153070	Mai Thạch	DH14CD			5	3.5	4	4.0	001234567890	0123456789
8	15138018	Nguyễn Hữu	DH15TD			10	8	6	6.8	001234567890	0123456789
9	15153013	Nguyễn Trường	DH15CD			10	7.3	8	8.1	001234567890	0123456789
10	14138007	Sầm Văn	DH14TD			10	8	5	6.1	001234567890	0123456789
11	14138045	Nguyễn Thành	DH14TD			10	9.5	7.5	8.2	001234567890	0123456789
12	15138011	Quách Tiến	DH15TD			10	7.5	6	6.7	001234567890	0123456789
13	15138009	Huỳnh Tuấn	DH15TD			10	7.3	5.5	6.3	001234567890	0123456789
14	14153075	Đỗ Minh	DH14CD			10	7	6	6.6	001234567890	0123456789
15	15153011	Ngô Phú	DH15CD			10	8.3	5.5	6.5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02738



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Xứ lý tín hiệu số (207525) - 001_DH15TD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 5%	Thời Đ. Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			10	5.8	10	9.2	0012345678910	0123456789
17	15138021	Phạm Thị Thủy	DH15TD			10	8.5	9.5	9.4	0012345678910	0123456789
18	14153080	Lê Khoa	DH14CD			10	8	9	8.9	0012345678910	0123456789
19	13153093	Phùng Văn	DH13CD			10	3.3	4	4.5	0012345678910	0123456789
20	15153026	Nguyễn Trung	DH15CD			10	9	6.5	7.4	0012345678910	0123456789
21	13153122	Mai Đức	DH13CD			5	3	0	1.1	0012345678910	0123456789
22	15138032	Nguyễn Văn	DH15TD			10	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
23	14138016	Phạm Đăng	DH14TD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
24	13138098	Vũ Văn	DH13TD			10	8	2	4.0	0012345678910	0123456789
25	15138035	Phạm Hồng	DH15TD			10	7	0	2.4	0012345678910	0123456789
26	15138038	Nguyễn Hoàng	DH15TD			10	8.3	5	6.2	0012345678910	0123456789
27	15138036	Huỳnh Tấn	DH15TD			10	3.8	5.5	5.6	0012345678910	0123456789
28	15138039	Nguyễn Hồ Tấn	DH15TD			10	8.5	6	6.9	0012345678910	0123456789
29	13138117	Nguyễn Quốc	DH13TD			10	3	5	5.1	0012345678910	0123456789
30	15138042	Vũ Văn	DH15TD			10	7.3	5.5	6.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02738



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 001_DHI5TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 20 %	Đ. Số Đ. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14153031	Lê Nhật Nam	DH14CD			10	7.5	6	6.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14153103	Nguyễn Đức	DH14CD			10	0.0	6	4.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD			10	4	6	6.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD			10	6.8	5	5.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 32 Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

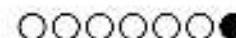
Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Võ Ngọc Thạch

 Phan Minh Hiền

 Lê Văn Bình

 Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Xử lý tin hiệu số (207525) - 002_DHI1STD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DHI14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 20%	Thi Đ.Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153107	Dinh Như Nhân	DHI14CD	Như Nhân		10	8.3	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
2	14138021	Trần Duy Nhân	DHI14TD	Như Nhân		10	7.5	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
3	15153047	Mai Tấn Phát	DHI15CD	Phát		10	9	5	6.3	0012345678910	0123456789
4	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DHI13CD	Phúc		10	2.5	5	5.0	0012345678910	0123456789
5	13138163	Phạm Lưu Phước	DHI13TD	Phước		10	3	3.5	4.1	0012345678910	0123456789
6	15153048	Dinh Hoàng Phương	DHI15CD	Phương		10	9	6.5	7.4	0012345678910	0123456789
7	14138026	Nguyễn Thanh Quang	DHI14TD	Thạch		10	7.8	6	6.8	0012345678910	0123456789
8	14138027	Phạm Nhật Quang	DHI14TD	Thạch		10	7.3	7	7.4	0012345678910	0123456789
9	15138051	Trần Minh Quang	DHI15TD	Minh		5	3.8	8	6.9	0012345678910	0123456789
10	15138049	Nguyễn Hoàng Quân	DHI15TD	Quân		10	4.3	2	3.3	0012345678910	0123456789
11	15138053	Vũ Tiến Sang	DHI15TD	Sang		10	7.5	6	6.7	0012345678910	0123456789
12	15138056	Dương Thành Tâm	DHI15TD	Tâm		10	8	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
13	14153125	Lưu Đức Thái	DHI14CD	Thái		10	6.8	4	5.2	0012345678910	0123456789
14	15138061	Phan Thị Mạnh Thắng	DHI15TD	Thắng		10	7.5	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
15	13138205	Vương Bảo Thế	DHI13TD	Thế		0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02739



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Xử lý tín hiệu số (207525) - 002_DH15TD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 17/01/2018

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD201

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp

DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ3 30%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15138062	Nguyễn Hữu Thiện	DH15TD			10	7.3	9	8.8	0012345678910	0123456789
17	14138096	Nguyễn Công Thiện	DH14TD			10	8.8	9	9.1	0012345678910	0123456789
18	15153065	Lê Văn Thương	DH15CD			10	8.8	10	9.8	0012345678910	0123456789
19	14138100	Nguyễn Văn Tình	DH14TD			10	8.5	8	8.3	0012345678910	0123456789
20	15153069	Lê Minh Tỏi	DH15CD			10	4.3	10	8.9	0012345678910	0123456789
21	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	DH15TD			10	7.5	6	6.7	0012345678910	0123456789
22	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD			10	6.5	5	5.8	0012345678910	0123456789
23	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
24	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD			0	0	0.5	0.4	0012345678910	0123456789
25	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			10	9.5	10	9.9	0012345678910	0123456789
26	14138113	Trịnh Châu Từ	DH14TD			10	7.5	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
27	11138011	Huỳnh Minh Vũ	DH11CD			10	0	0	0.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 27. Số sinh viên vắng: 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn Nguyễn Nam Quận

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật điều khiển TĐ (207526) - 01

CBGD: Lê Văn Bọn (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138030	Trần Huy	Chương	DH13TD		70	70	6,0	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13138042	Quách Đình	Dũng	DH13TD		✓	✓	✓	✓	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13138003	Lương Đình	Đồng	DH13TD		70	80	7,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13138051	Ngô Lộc Trường	Đức	DH13TD		85	85	7,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13138068	Hoàng Minh	Hiếu	DH13TD		70	70	6,5	6,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13138076	Vô Minh	Hòa	DH13TD		70	85	7,0	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13138263	Hạp Tiến	Hoàng	DH13TD		75	75	8,5	7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13138079	Nguyễn Trần Minh	Hoàng	DH13TD		65	65	6,5	6,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13138005	Đậu Việt	Hùng	DH13TD		30	30	2,0	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13138089	Tô Văn	Hưng	DH13TD		✓	✓	✓	✓	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13138006	Đào Thanh	Hữu	DH13TD		80	80	8,0	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13138096	Vô Anh	Khon	DH13TD		90	95	9,0	9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13138097	Trần Tiến	Khôi	DH13TD		✓	✓	✓	✓	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13138098	Vũ Văn	Khương	DH13TD		85	90	8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13138099	Cao Hoàng	Lâm	DH13TD		90	95	9,0	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13138103	Nguyễn Đình	Lân	DH13TD		75	85	7,0	7,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13138260	Hoàng Đức	Lương	DH13TD		70	70	8,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13138117	Nguyễn Quốc	Mạnh	DH13TD		✓	✓	✓	✓	⑩①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật điều khiển TĐ (207526) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD	Nam		7,0	7,5	7,0	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD	Ngoc		7,0	8,0	7,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD	V		V	V	V	V	②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13138148	Phạm Khánh Phi	DH13TD	V		V	V	V	V	③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD	Phu		9,0	9,5	9,0	9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD	Phu		6,5	7,0	6,5	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD	Phu		8,5	8,5	8,5	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13138165	Mãn Hồng Quân	DH13TD	Qua		7,0	7,5	7,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD	Qua		5,0	5,5	7,0	5,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	12138127	Phan Thánh Quý	DH12TD	V		V	V	V	V	③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD	Lie		6,5	7,0	5,5	6,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD	Qua		5,0	5,5	6,0	5,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD	Qua		6,0	6,5	6,0	6,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	13138181	Phạm Văn Tâm	DH13TD	tan		7,0	7,0	6,0	6,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13138192	Phạm Văn Thanh	DH13TD	Thanh		8,0	7,75	8,0	7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD	anh		7,0	7,0	7,5	7,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	13138198	Phan Tiến Thành	DH13TD	anh		6,5	8,0	8,0	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	13138199	Trịnh Viết Thành	DH13TD	anh		8,5	8,5	8,0	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật điều khiển TD (207526) - 01

CBGD: Lê Văn Ban (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13138205	Vương Bảo	Thế	DH13TD			7,5	9,0	9,0	8,5	001234567890	0123456789
38	13138211	Tổng Trần	Thông	DH13TD			8,0	7,5	8,5	9,0	001234567890	0123456789
39	13138220	Trương Tấn	Tĩnh	DH13TD			7,0	7,0	6,0	6,7	001234567890	0123456789
40	13138227	Phạm Đình	Trang	DH13TD			9,0	8,0	7,75	7,9	001234567890	0123456789
41	13138231	Lê Minh	Trọng	DH13TD			8,5	8,5	8,0	8,3	001234567890	0123456789
42	13138240	Phạm Anh	Tuấn	DH13TD			8,5	8,5	9,0	8,7	001234567890	0123456789
43	13138020	Trần Thanh	Tuấn	DH13TD			7,0	7,0	8,0	7,3	001234567890	0123456789
44	13138249	Nguyễn Khánh	Tường	DH13TD	V		V	V	V	V	001234567890	0123456789
45	13138021	Trần Thanh	Vĩnh	DH13TD			6,0	6,0	5,5	5,8	001234567890	0123456789

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi I

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật ĐKTD quá trình (207527) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ	
1	13138030	Trần Huy	Chương	DH13TD			7,0	7,0	7,5	7,2	001234567890	0123456789
2	13138042	Quách Đình	Dũng	DH13TD			V	V	V	V	001234567890	0123456789
3	13138003	Lương Đình	Đồng	DH13TD			6,0	6,5	6,0	6,2	001234567890	0123456789
4	13138051	Ngô Lộc Trường	Đức	DH13TD			8,5	8,5	7,0	8,0	001234567890	0123456789
5	13138068	Hoàng Minh	Hiếu	DH13TD			7,0	7,0	6,0	6,7	001234567890	0123456789
6	13138076	Võ Minh	Hòa	DH13TD			7,0	6,0	7,0	6,7	001234567890	0123456789
7	13138263	Hạp Tiến	Hoàng	DH13TD			8,0	6,0	8,0	7,3	001234567890	0123456789
8	13138079	Nguyễn Trần Minh	Hoàng	DH13TD			6,0	7,0	6,5	6,5	001234567890	0123456789
9	13138005	Đậu Việt	Hùng	DH13TD			V	V	V	V	001234567890	0123456789
10	13138089	Tô Văn	Hưng	DH13TD			V	V	V	V	001234567890	0123456789
11	13138006	Đào Thanh	Hữu	DH13TD			5,5	6,0	7,0	6,2	001234567890	0123456789
12	15138031	Nguyễn Mạnh	Khải	DH15TD			V	V	V	V	001234567890	0123456789
13	13138096	Võ Anh	Khoa	DH13TD			9,0	9,0	9,25	9,1	001234567890	0123456789
14	13138097	Trần Tiến	Khôi	DH13TD			V	V	V	V	001234567890	0123456789
15	13138098	Vũ Văn	Khương	DH13TD			8,5	8,5	8,0	8,3	001234567890	0123456789
16	13138099	Cao Hoàng	Lâm	DH13TD			9,0	9,0	9,3	9,1	001234567890	0123456789
17	13138103	Nguyễn Đình	Lân	DH13TD			8,0	7,0	8,0	7,7	001234567890	0123456789
18	13138260	Hoàng Đức	Lương	DH13TD			5,0	6,0	5,0	5,3	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật ĐKTĐ quá trình (207527) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD	✓		✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
20	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD	Nam		75	65	65	68	001234567890	0123456789
21	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD	Nga		70	60	65	65	001234567890	0123456789
22	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD	✓		✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
23	13138148	Phạm Khánh Phi	DH13TD	✓		✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
24	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD	Phu		90	90	8,5	8,9	001234567890	0123456789
25	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD	Phu		60	60	6,5	6,2	001234567890	0123456789
26	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD	Phu		85	8,5	7,5	8,2	001234567890	0123456789
27	13138165	Mai Hồng Quân	DH13TD	Qua		65	8,5	7,5	7,5	001234567890	0123456789
28	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD	Qua		55	55	70	60	001234567890	0123456789
29	12138127	Phan Thanh Qui	DH12TD	✓		✓	✓	✓	✓	001234567890	0123456789
30	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD	Ng		50	65	20	62	001234567890	0123456789
31	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD	Qua		50	50	5,5	5,2	001234567890	0123456789
32	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD	✓		60	65	50	5,8	001234567890	0123456789
33	13138181	Phạm Văn Tâm	DH13TD	Phu		60	20	70	6,2	001234567890	0123456789
34	13138192	Phạm Văn Thanh	DH13TD	Phu		65	55	6,5	6,2	001234567890	0123456789
35	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD	Phu		70	70	6,5	6,8	001234567890	0123456789
36	13138198	Phan Tiến Thịnh	DH13TD	Phu		80	72,5	80	7,6	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật ĐKTD quá trình (207527) - 01

CBGD; Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	13138199	Trịnh Việt Thành	DH13TD			6,5	6,5	6,5	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	13138205	Vương Bảo Thê	DH13TD			9,0	7,0	8,0	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13138211	Tổng Trần Thông	DH13TD			7,5	8,0	8,0	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD			7,0	7,0	6,5	6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	13138227	Phạm Đình Trang	DH13TD			7,0	6,5	7,5	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD			6,5	6,5	7,0	6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	13138240	Phạm Anh Tuấn	DH13TD			8,0	8,5	8,0	8,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD			5,0	5,0	6,0	5,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD			V	V	V	V	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DH13TD			6,0	6,0	6,0	6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vàng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Câu hỏi chấm thi 2

Le mit tran

Nhà
Nhà Vở Ngạc, Nhà

Lu và bìa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	12138027	Lương Thế Anh	DH12TD			10	9.5	4	5.7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			10	8	6.5	7.2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118005	Đỗ Thánh Chung	DH13CC			10	8	8	8.2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			10	6.5	5.5	6.2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14153070	Mai Thạch Dữ	DH14CD			10	0	7	5.9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
6	13118109	Phạm Đại	DH13CC			10	0	6	5.2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118110	Phạm Minh Đại	DH13CC			10	7	6	6.6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
8	13118113	Phạm Tiễn Đạt	DH13CC			10	7.5	0	2.5	○○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			10	6	6.5	6.8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
10	13153073	Nguyễn Văn Dấu	DH13CD			10	6	7	7.1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13153077	Trương Công Định	DH13CD			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	14138048	Nguyễn Hữu Hải	DH14TD			10	9	9	9.1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	14153015	Dặng Đình Hiệp	DH14CD			10	6.5	8.5	8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	14153085	Huỳnh Thanh Hoài	DH14CD			10	8	6	6.8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	12138047	Dương Văn Hoan	DH12TD			10	7.5	9	8.8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
16	13138263	Hạp Tiễn Hoàng	DH13TD			10	8	6.5	7.2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD			10	5	6	6.2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD			10	7	4	5.2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40%	D2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13138085	Hoàng Thanh Hùng	DH13TD			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13118184	Vô Văn Khiêm	DH13CC			10	7.5	8	8.1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13137081	Vũ Đình Nguyên	DH13NL			10	8	4	5.4	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
22	13138098	Vô Văn Khương	DH13TD			10	8	6.5	7.2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC			10	7	0	2.4	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
24	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD			10	8	9	8.9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
25	13138116	Vô Tấn Lý	DH13TD			10	7.5	9.5	9.2	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD			10	7	5	5.9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
27	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			10	0	5	4.5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
28	14153036	Phan Trọng Nghĩa	DH14CD			10	7	10	9.4	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
29	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD			10	8	5	6.1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD			10	10	7	7.9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	12153093	Hồ Vĩnh Phú	DH12CD			10	0	7	5.9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
32	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK			10	7	8	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			10	7	9	8.7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
34	13118250	Bạch Đình Quyết	DH13CC			10	8.5	5.5	6.6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
35	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD			10	7	6.5	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			10	8	7	7.5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14153119	Trần Trí Tâm	DH14CD			10	9	8	8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨
38	13138199	Trịnh Viết Thành	DH13TD			10	8	6.5	7.2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD			10	7.5	6	6.7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
40	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD			10	0	7	5.9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
41	13138205	Vương Bảo Thế	DH13TD			10	5	6	6.2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD			10	8	5	6.1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	14153134	Nguyễn Thanh Thuận	DH14CD			10	7	5	5.9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
44	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD			10	7	7	7.3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD			10	7	5	5.9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
46	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC			10	8.5	5	6.2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	13118301	Lê Đức Tín	DH13CC			0	0	0	0.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			10	7	9	8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑦⑧⑨
49	13153244	Nguyễn Thanh Trí	DH13CD			10	7	7	7.3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			10	9	6.5	7.4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
51	15153072	Võ Văn Truyền	DH15CD			10	9.5	9.5	9.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
52	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			10	8.5	7	7.6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD			10	7	6	6.6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
54	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			10	7	7	7.3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Hoc kỳ 1 – Năm học 2017 - 2018

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

Cần hỗ trợ thi 2

Plot
Case File Log

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong TK và Đ.Khiển (207606) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Ngà (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	Điểm thị 50%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD			0	5	4,5	3,5	0012345678910	0123456789
2	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD			5	9	9	8,0	0012345678910	0123456789
3	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD			4	9	8	7,3	0012345678910	0123456789
4	13153046	Huỳnh Công Chính	DH13CD	✓						0012345678910	0123456789
5	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			5	7	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
6	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			0	6	9	6,0	0012345678910	0123456789
7	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			5	5	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
8	13153068	Mai Quốc Đạt	DH13CD			5	8	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
9	13153005	Đặng Hữu Đệ	DH13CD			10	8	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
10	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD			5	6	8	6,8	0012345678910	0123456789
11	13153077	Trương Công Định	DH13CD	✓						0012345678910	0123456789
12	13153078	Trương Công Định	DH13CD			5	8	8	7,3	0012345678910	0123456789
13	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			5	9	9	8,0	0012345678910	0123456789
14	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			5	7	6,5	6,3	0012345678910	0123456789
15	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD	✓						0012345678910	0123456789
16	15153019	Nguyễn Nhật Hào	DH15CD			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
17	15153021	Đặng Trung Hậu	DH15CD			9	5	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
18	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD			5	7	3	4,5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong TK và Đ.Khiển (207606) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tà điểm lẻ
19	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD			10	8	7	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD			5	5	6	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD			9	6	8	7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	12153082	Phạm Ngọc Đăng Huy	DH12CD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD			6	8	7,5	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13153121	Vô Thị Kim Hương	DH13CD			5	7	5,5	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD			5	8	8	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			5	5	5	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13153015	Chu Hoài Nam	DH13CD			5	5	7	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD			5	8	8	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15153039	Hồ Thị Thúy Nga	DH15CD			5	5	7,5	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD			10	8	9	9,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD			5	4	6	5,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD			5	5	9	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	12153093	Hồ Vĩnh Phú	DH12CD			5	5	4	4,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			10	6	8	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD			5	8	8	7,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15153057	Đỗ Thành Tâm	DH15CD			5	6	8,5	7,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong TK và Đ.Khiển (207606) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Nga (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD	✓						●○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
38	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD			5	8	9	7,8	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
39	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD			5	5	4	4,5	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
40	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD			5	7	7,5	6,8	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
41	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD			5	8	8	7,3	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
42	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD	✓						●○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
43	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD			10	8	8	8,5	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
44	12153173	Đoàn Lý Thuyết	DH12CD			5	7	6,5	6,3	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
45	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD			4	8	7,5	6,8	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
46	13153238	Mai Thanh Tinh	DH13CD	✓						●○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
47	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD			6	9	7	7,3	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
48	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD			3	7	7,5	6,3	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
49	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD			5	7	5	5,5	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
50	13153251	Nguyễn Xuân Trường	DH13CD	✓						●○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
51	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD			6	9	9	8,3	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
52	13153269	Vô Thành Văn	DH13CD			0	8	8,5	6,3	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
53	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			6	6	8	7,0	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○
54	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			5	7	7	6,5	○○○○○○○○○○○○○○○○○○	○○○○○○○○○○○○○○○○

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: UD tin học trong TK và Đ.Khiển (207606) - 01

CBGD: Trần Thị Kim Ngà (735)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 25%	D2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	13153031	Trần Thế Vương	DH13CD			5	8	7	6,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 08

Hiện diện: 47

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ume
Trần Thị Kembang

Xác nhận của khoa/bộ môn



PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ulu
Pren Tur Kim nga



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15NL_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 24/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi PV227

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

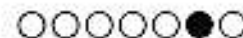
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D3 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK			10	5	8.5	8.0	001234567890	0123456789
2	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT			10	0	10	8.0	001234567890	0123456789
3	15137003	Chu Động Quốc	DH15NL			10	8.5	5.5	6.6	001234567890	0123456789
4	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DH13NL			10	7	3	4.5	001234567890	0123456789
5	15137005	Nguyễn Đức Báu	DH15NL			10	7.5	0	2.5	001234567890	0123456789
6	13154005	Lưu Công Chí	DH13OT			10	5	7	6.9	001234567890	0123456789
7	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK	V	V	0	0	0	0.0	001234567890	0123456789
8	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			10	7.5	4	5.3	001234567890	0123456789
9	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			10	8	10	9.6	001234567890	0123456789
10	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			10	4	8	7.4	001234567890	0123456789
11	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			10	7.5	2.5	4.3	001234567890	0123456789
12	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			8	0	6	6.8	001234567890	0123456789
13	13153063	Trần Văn Dương	DH13CD			8	9	6	6.8	001234567890	0123456789
14	15118015	Nguyễn Quốc Đạt	DH15CK	V		4	0	0	0.4	001234567890	0123456789
15	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			10	9	2	4.2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02743



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Phương pháp số (207615) - 001_DH15NL_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 24/01/2018

Giờ Thi: 07:00

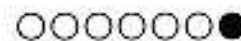
Phòng Thi PV227

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ3 Đ.Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153010	Nguyễn Tấn Dính	DH15CD			10	8.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
17	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			10	8	9.5	9.5	0012345678910	0123456789
18	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			8	7.5	1	3.0	0012345678910	0123456789
19	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			10	9	10	9.8	0012345678910	0123456789
20	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			10	7	3	4.5	0012345678910	0123456789
21	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			10	8	10	9.6	0012345678910	0123456789
22	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK			8	6	4	4.8	0012345678910	0123456789
23	14154018	Trần Bá Hiền	DH14OT			10	8	10	9.6	0012345678910	0123456789
24	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			10	8	1.5	3.7	0012345678910	0123456789
25	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD			10	0	0.5	1.4	0012345678910	0123456789
26	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD			2	9	6	6.2	0012345678910	0123456789
27	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT			10	9	9.5	9.5	0012345678910	0123456789
28	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT			10	0	0	1.0	0012345678910	0123456789
29	15118040	Nguyễn Quang Hưng	DH15CK			10	9	6	7.0	0012345678910	0123456789



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Phương pháp số (207615) - 002_DH15NL_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 24/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	Thi Đ. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH14OT			10	5	6	6.2	0012345678910	0123456789
2	15153029	Phạm Duy Khánh	DH15CD			10	8.5	5	6.2	0012345678910	0123456789
3	15154027	Lê Trịnh Bình	DH15OT			10	9	6	7.0	0012345678910	0123456789
4	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			10	5	10	9.0	0012345678910	0123456789
5	14118186	Phạm Anh Khoa	DH14CK			10	6	9	8.5	0012345678910	0123456789
6	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			10	7.5	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
7	13137081	Vũ Đình Nguyễn Khương	DH13NL			10	9	8.5	8.8	0012345678910	0123456789
8	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC			10	8	2.5	4.4	0012345678910	0123456789
9	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			10	10	6	7.2	0012345678910	0123456789
10	13118204	Trương Thanh Lực	DH13CK		✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
11	13153013	Huỳnh Minh Lý	DH13CD			10	8	7	7.5	0012345678910	0123456789
12	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			10	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
13	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK			8	10	4	5.6	0012345678910	0123456789
14	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
15	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK			10	4	9	8.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02744



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Phương pháp số (207615) - 002_DH15NL_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 24/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

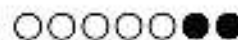
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ3 30%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK			10	6	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
17	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT			10	6	3	4.3	0012345678910	0123456789
18	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			10	7.5	6	6.7	0012345678910	0123456789
19	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			10	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
20	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			10	9	5	6.3	0012345678910	0123456789
21	15153049	Thần Trọng Quan	DH15CD		✓	6	0	0	0.6	0012345678910	0123456789
22	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD			8	7	5	5.7	0012345678910	0123456789
23	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK		✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
24	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			10	10	9	9.3	0012345678910	0123456789
25	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			10	5	8	7.6	0012345678910	0123456789
26	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL			6	9	6	6.6	0012345678910	0123456789
27	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			10	7	3	4.5	0012345678910	0123456789
28	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL			6	0	2	2.0	0012345678910	0123456789
29	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD			8	5	5	5.3	0012345678910	0123456789
30	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT			2	8	5	5.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02744



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Phương pháp số (207615) - 002_DH15NL_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 24/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	$\frac{D1+D2}{2}$ Đ. Số 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK			10	9	6	7.0	0012345678910	0123456789
32	13153211	Huỳnh Võ Minh	DH13CD			8	5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
33	15137050	Phan Minh	DH15NL		✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
34	14137074	Nguyễn Mậu	DH14NL			10	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
35	14153050	Nguyễn Phú	DH14CD			2	6	5.5	5.3	0012345678910	0123456789
36	14118266	Phan Minh	DH14CK			10	6	4	5.0	0012345678910	0123456789
37	14154057	Ôn Hoa	DH14OT			8	7	6	6.4	0012345678910	0123456789
38	15137058	Nguyễn Thành	DH15NL			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
39	15137059	Phan Nhật	DH15NL		✓	0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
40	15154060	Nguyễn Công	DH15OT			10	9	6	7.0	0012345678910	0123456789
41	14137083	Vũ Quốc	DH14NL			10	8	6.5	7.2	0012345678910	0123456789
42	15118109	Lưu Ngọc Anh	DH15CK			10	10	10	10.0	0012345678910	0123456789
43	13154062	Huỳnh Quang	DH13OT			4	7	4.5	5.0	0012345678910	0123456789
44	15137061	Hùng Phạm Minh	DH15NL			10	7	3	4.5	0012345678910	0123456789
45	14118083	Trương Minh	DH14CK			10	8.5	9	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02744



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Phương pháp số (207615) - 002_DH15NL_02

Số Tin Cb 2

Ngày Thi 24/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	Thi Đ. Số 70 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13153240	Nguyễn Công Triển	DH13CD			10	8	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
47	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			10	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
48	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD		✓	2	6	0	1.4	0012345678910	0123456789
49	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			10	9	3	4.9	0012345678910	0123456789
50	14137006	Triệu Kim Tú	DH14NL			10	9	5	6.3	0012345678910	0123456789
51	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK			10	10	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
52	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT			8	6	0	2.0	0012345678910	0123456789
53	15118128	Hoàng Trung Tướng	DH15CC			10	8	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
54	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC			4	8	3	4.1	0012345678910	0123456789
55	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			10	7.5	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
56	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK			10	10	15	4.1	0012345678910	0123456789
57	15153077	Trịnh Quốc Vương	DH15CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
58	13153280	Lương Trung Vương	DH13CD			10	5	9	8.3	0012345678910	0123456789
59	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			10	5	10	9.0	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Tri tuệ nhân tạo (207619) - 001 DH15CD 01

Số Tin Ch. 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp **DHSCD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trans 1

DH15CD (Công nghệ kỹ thuật điện tử)											
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 80%	D2 20%	Tổng Đ. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15153003	Đào Lưu Bình	DH15CD			9	7	10	9.2	0012345678910	0123456789
2	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên	DH14TD			8	8.5	4	5.7	0012345678910	0123456789
3	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			9.5	8.5	2	4.8	0012345678910	0123456789
4	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD			8	8.5	9.5	9.0	0012345678910	0123456789
5	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng	DH15TD			9	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
6	15153014	Nguyễn Phương	DH15CD			6.5	7.5	4	5.2	0012345678910	0123456789
7	14138007	Sầm Văn	DH14TD			8.5	8	3	5.1	0012345678910	0123456789
8	15138012	Nguyễn Hữu	DH15TD			8	9	0	3.4	0012345678910	0123456789
9	15138008	Huỳnh Tuấn Hải	DH15TD			8	9	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
10	15153006	Phan Hữu	DH15CD			7.5	8.5	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
11	15138009	Huỳnh Tuấn	DH15TD			8	9	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
12	13153073	Nguyễn Văn	DH13CD			9	7	8	8.0	0012345678910	0123456789
13	15153010	Nguyễn Tấn	DH15CD			5	7	3	4.2	0012345678910	0123456789
14	15153011	Ngô Phú	DH15CD			7	7	8	7.6	0012345678910	0123456789
15	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ	DH15TD			6.5	8	3	4.7	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Tri tuệ nhân tạo (207619) - 001 DH15CD_01

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 16/01/2018

Gift This: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

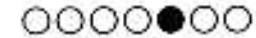
Lớp **DHISCD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đu %	D2 Đu %	Tu Đ. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD			6.5	8.5	9	8.4	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
32	15153043	Nguyễn Văn Sơn	DH15CD			7	8.5	7.5	7.6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14138072	Nguyễn Vũ	DH14TD			6.5	9	9.5	8.8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD			8.5	9	4	5.9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD			10	9	7	8.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	④①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15153046	Phạm Huỳnh	DH15CD			7	7	8	7.6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
37	14138027	Phạm Nhật	DH14TD			8.5	8	4	5.7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	15153051	Nguyễn Anh	DH15CD			7	7	5	5.8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
39	15138049	Nguyễn Hoàng	DH15TD			7	9	3	5.0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15138052	Nguyễn Quốc	DH15TD			8	8	4	5.6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
41	15153060	Nguyễn Hữu	DH15CD			8.5	0	6	5.3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
42	12153144	Lưu Thế	DH12CD			6	5	3	4.0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	15153064	Nguyễn Hiền	DH15CD			8	8.5	4.5	6.0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	14138032	Lâm Văn	DH14TD			7.5	8	4	5.5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
45	14138100	Nguyễn Văn	DH14TD			8.5	9	7.5	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02748



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Trí tuệ nhân tạo (207619) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp

DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ. %	D2 Đ. %	Tổng Đ. Số Đ. %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15153068	Nguyễn Huy	Toán	DH15CD	Toàn	7	7	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
47	15153071	Hồ Thái	Trung	DH15CD	Trung	9	7	1	3.8	0012345678910	0123456789
48	15153073	Nguyễn Anh	Tuấn	DH15CD	Tuấn	7.5	8.5	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
49	15153074	Trương Khắc	Viện	DH15CD	Thao	7	7	8	7.6	0012345678910	0123456789
50	15153031	Trần Thế	Vương	DH13CD	Vương	9	7	5	6.2	0012345678910	0123456789

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Số sinh viên dự thi: 50 Số sinh viên vắng: 00

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

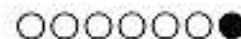
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Thao
Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Thao
Lê Văn Bình

Thao
Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Trĩ tuệ nhân tạo (207619) - 001_DH15TD_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

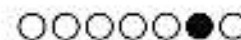
Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	Thi Đ.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD			8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789
2	15138002	Bùi Thị Vân	DH15TD			10	8	5	6.6	0012345678910	0123456789
3	15138003	Đông Hoàng	DH15TD			8.5	8.5	1	4.0	0012345678910	0123456789
4	15138004	Trần Hải	DH15TD			10	8	8	8.4	0012345678910	0123456789
5	15138005	Dương Võ	DH15TD			0	8	4	4.0	0012345678910	0123456789
6	15138006	Nguyễn Văn	DH15TD			8	8	10	9.2	0012345678910	0123456789
7	14153006	Hồ Nguyễn Văn	DH14CD			7	9	4	5.6	0012345678910	0123456789
8	15138007	Trương Thành	DH15TD			10	8.5	1.5	4.6	0012345678910	0123456789
9	15138010	Đặng Xuân	DH15TD			5	0	1.5	1.9	0012345678910	0123456789
10	15138018	Nguyễn Hữu	DH15TD			8	8	2	4.4	0012345678910	0123456789
11	15138020	Võ Hải	DH15TD			8	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
12	15138017	Hồ Thanh	DH15TD			8	8.5	6	6.9	0012345678910	0123456789
13	14138045	Nguyễn Thành	DH14TD			7	9	8	8.0	0012345678910	0123456789
14	15138013	Phạm Thành	DH15TD		✓	5	8	0	2.6	0012345678910	0123456789
15	15138011	Quách Tiến	DH15TD			5	8	5	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02749



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Trí tuệ nhân tạo (207619) - 001_DH15TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Lớp DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Thi Đ.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15138014	Trương Công Đình	DH15TD			8	8.5	6	6.9	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
17	15153026	Nguyễn Trung Hiếu	DH15CD			4	8	6	6.0	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	15138074	Phạm Lê Thanh Hòa	DH15TD			9	9	2	4.8	○①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
19	15138026	Ngô Văn Hoàn	DH15TD			9	9	5	6.6	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	15138029	Dào Hữu Huynh	DH15TD			6	8	3	4.6	○①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
21	15138027	Bùi Hữu Hưng	DH15TD	✓	✓	9	8	0	3.4	○①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
22	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			8	8	0.5	3.5	○①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD			8.5	9	3.5	5.6	○①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	15138032	Nguyễn Văn Khế	DH15TD			7	9.5	5	6.3	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15138033	Lê Võ Trung Kiên	DH15TD			8.5	9	7.5	8.0	○①①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng Lâm	DH14TD			7	8.5	6	6.7	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
27	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			6	8.5	8	7.7	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
28	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD			5.5	8	1	3.3	○①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15138037	Phạm Lộc	DH15TD			8	8	6	6.8	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
30	15138039	Nguyễn Hồ Tấn Lực	DH15TD			9	8	7.5	7.9	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●



Mã nhận dạng 02749



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Trĩ tuệ nhân tạo (207619) - 001_DHI5TD_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Võ Ngọc Thạch

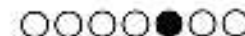
Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 10%	$\sum$ Đ. Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			0	8	0.5	1.9	000234567890	0123456789
32	15138041	Trương Đức Minh	DH15TD			6	8	2	4.0	001234567890	0123456789
33	15138042	Vũ Văn Minh	DH15TD			8	8	5	6.2	001234567890	0123456789
34	14138068	Võ Lê Hoài Nam	DH14TD			7	8.5	5	6.1	001234567890	0123456789
35	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD			8.5	8	0.5	5.6	001234567890	0123456789
36	15138047	Phạm Thị Đức	DH15TD			10	8	6	7.2	001234567890	0123456789
37	15138048	Phạm Thanh Phong	DH15TD			8	8	8.5	8.3	001234567890	0123456789
38	15138053	Vũ Tiến Sang	DH15TD			8	8.5	5	6.9	001234567890	0123456789
39	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			5	8	4	5.0	001234567890	0123456789
40	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			7	8	3	4.8	001234567890	0123456789
41	15138058	Lê Quốc Thái	DH15TD			8.5	9	7	7.7	001234567890	0123456789
42	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD			5	8	6	6.2	001234567890	0123456789
43	15138061	Phan Thị Mạnh Thắng	DH15TD			5	8	3	4.4	001234567890	0123456789
44	15138062	Nguyễn Hữu Thiên	DH15TD			8.5	9	6	7.1	001234567890	0123456789
45	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD			9	9	6.5	7.5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02749



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Trí tuệ nhân tạo (207619) - 001_DH15TD_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/01/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

Lớp

DH15TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15138064	Nguyễn Phước Toàn	Thịnh	Thịnh		6	8.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
47	15138065	Nguyễn Tấn	Thịnh	Thịnh		9	9	2.5	5.1	0012345678910	0123456789
48	15138066	Nguyễn Minh	Thoại	Thoại		8.5	9	2	4.7	0012345678910	0123456789
49	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	Trọng	Trọng		8	8	5	6.2	0012345678910	0123456789
50	14138109	Nguyễn Thái	Trường	Trường		5.5	8	1	3.3	0012345678910	0123456789
51	15138071	Nguyễn Đình	Tùng	Tùng		9	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
52	13138023	Trần Văn	Vượng	Trần Văn		8.5	8	5	6.3	0012345678910	0123456789
53	15138073	Nguyễn Hoàng	Xuyên	Xuyên		0	8	1.5	1.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 51. Số sinh viên vắng: 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cao Đức Lợi

Lê Văn Tuấn

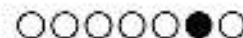
Lê Văn Tuấn

Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT			16	16	42	74	0012345678910	0123456789
2	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			10	10	33	53	0012345678910	0123456789
3	14154006	Phạm Văn Bảo	DH14OT			14	15	48	77	0012345678910	0123456789
4	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT			10	12	39	61	0012345678910	0123456789
5	14154076	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			12	12	18	42	0012345678910	0123456789
6	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			14	16	39	69	0012345678910	0123456789
7	14154079	Nguyễn Thị Bích Dân	DH14OT			18	13	42	73	0012345678910	0123456789
8	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT			14	13	33	60	0012345678910	0123456789
9	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT			12	10	18	46	0012345678910	0123456789
10	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT			16	16	33	65	0012345678910	0123456789
11	14154013	Trương Nhật Diễm	DH14OT			10	08	24	42	0012345678910	0123456789
12	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT			12	12	30	54	0012345678910	0123456789
13	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT			10	17	39	66	0012345678910	0123456789
14	14154016	Trần Thanh Tú Em	DH14OT			12	13	48	73	0012345678910	0123456789
15	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			16	14	30	60	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02757



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 001_DH140T_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 15/01/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

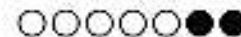
Lớp DH140T (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lĩ
16	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH140T			14	10	18	42	0012345678910	0123456789
17	14154019	Lê Minh Hiếu	DH140T		✓					0012345678910	0123456789
18	14154020	Vũ Anh Hiếu	DH140T			14	15	42	71	0012345678910	0123456789
19	14154097	Hoàng Văn Hòa	DH140T			14	14	39	66	0012345678910	0123456789
20	14154098	Lê Thái Hòa	DH140T			14	14	27	55	0012345678910	0123456789
21	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH140T			12	14	54	80	0012345678910	0123456789
22	14154096	Trần Thanh Hoàng	DH140T			14	16	57	87	0012345678910	0123456789
23	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DH140T			16	08	39	63	0012345678910	0123456789
24	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH140T			14	12	30	56	0012345678910	0123456789
25	14154102	Nguyễn Đình Huy	DH140T			18	16	51	85	0012345678910	0123456789
26	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH140T			16	08	42	66	0012345678910	0123456789
27	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH140T			12	11	33	56	0012345678910	0123456789
28	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH140T			18	14	36	68	0012345678910	0123456789
29	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH140T			16	16	42	74	0012345678910	0123456789
30	13154125	Trần Khải Hưng	DH130T			12	14	18	44	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02757



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 001_DH14OT_01 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 15/01/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Thái Hồng Xuân

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 22 %	D. Số 6%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH13OT			12	14	36	62	001234567890	0123456789
32	14154107	Quách Nguyễn Thành Khang	DH14OT			14	12	39	65	001234567890	0123456789
33	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT			18	10	33	61	001234567890	0123456789
34	14154110	Lê Mai Khoa	DH14OT			16	12	24	52	001234567890	0123456789
35	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DH14OT			16	09	39	64	001234567890	0123456789
36	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT			14	10	18	42	001234567890	0123456789
37	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			12	12	195	44	001234567890	0123456789
38	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT			14	14	36	64	001234567890	0123456789
39	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT			14	12	45	71	001234567890	0123456789
40	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT			12	18	00	30	001234567890	0123456789
41	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT			14	08	52	73	001234567890	0123456789
42	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT			10	10	49	62	001234567890	0123456789
43	14154119	Nguyễn Văn Minh	DH14OT			18	14	51	83	001234567890	0123456789
44	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			14	10	24	48	001234567890	0123456789
45	14154127	Nguyễn Văn Nhận	DH14OT			14	16	36	66	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 02757



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Công nghệ bán đường & SC ô tô (207705) - 001_DH14OT_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 15/01/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

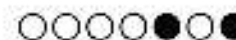
Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14154039	Nguyễn Hoài	Nhữn	DH14OT		14	10	42	66	0012345678910	0123456789
47	14154130	Vương	Ninh	DH14OT		16	14	27	57	0012345678910	0123456789
48	14154131	Nguyễn Tấn	Phát	DH14OT		18	16	48	82	0012345678910	0123456789
49	14154133	Trương Thái	Phi	DH14OT		14	14	27	55	0012345678910	0123456789
50	14154043	Nguyễn Thanh	Quân	DH14OT		10	18	33	61	0012345678910	0123456789
51	14154044	Điền	Quyết	DH14OT		12	12	39	63	0012345678910	0123456789
52	14154137	Đỗ Tiến	Quỳnh	DH14OT		16	14	48	78	0012345678910	0123456789
53	14154045	Mai Xuân	Sanh	DH14OT		16	16	27	59	0012345678910	0123456789
54	14154047	Nguyễn Quốc	Sự	DH14OT		14	14	24	52	0012345678910	0123456789
55	14154139	Lê Tấn	Tài	DH14OT		12	14	12	38	0012345678910	0123456789
56	14154051	Nguyễn Trọng	Thành	DH14OT		14	11	27	52	0012345678910	0123456789
57	14154143	Trần Hữu	Thành	DH14OT		16	16	42	74	0012345678910	0123456789
58	14154052	Lê Cao	Thắng	DH14OT		20	14	36	70	0012345678910	0123456789
59	14154053	Võ Hoàng	Thắng	DH14OT		12	14	27	53	0012345678910	0123456789
60	14154146	Nguyễn Trung	Thiên	DH14OT		16	14	39	69	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02757



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705) - 001_DH14OT_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 15/01/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV103 Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 2a %	D2 3a %	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT			12	12	24	48	0012345678910	0123456789
62	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT			12	12	18	42	0012345678910	0123456789
63	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT			14	12	15	41	0012345678910	0123456789
64	14154061	Trương Ngọc Tín	DH14OT			14	14	21	49	0012345678910	0123456789
65	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT			14	09	09	32	0012345678910	0123456789
66	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT			14	11	12	37	0012345678910	0123456789
67	14154063	Võ Đình Trường	DH14OT			16	14	27	57	0012345678910	0123456789
68	14154160	Vũ Duy Tú	DH14OT			16	12	33	61	0012345678910	0123456789
69	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			12	12	24	48	0012345678910	0123456789
70	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH14OT			18	12	36	66	0012345678910	0123456789
71	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT			12	12	24	48	0012345678910	0123456789
72	14154064	Mai Quốc Việt	DH14OT			18	15	39	72	0012345678910	0123456789
73	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT			10	12	45	67	0012345678910	0123456789